



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM TIN HỌC**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

6

Tháng 3 - 2008

ĐẢNG ỦY CƠ QUAN BỘ XÂY DỰNG HỘI THI KỂ CHUYỆN VỀ TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2008



Các thí sinh dự thi vòng chung khảo Hội thi kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và Ban Giám khảo hội thi



Quang cảnh Hội thi

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG

MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM TIN HỌC PHÁT HÀNH

NĂM THỨ CHÍN

6

SỐ 6 - 3/2008



TRUNG TÂM TIN HỌC

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Giới thiệu Quyết định số 02/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý các dự án đầu tư xây dựng của các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các Cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài 5

- Giới thiệu Quyết định số 31/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ 6

- Giới thiệu Thông tư Liên tịch số 4/2008/TTLT-BTC -BTNMT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai 7

Văn bản của địa phương

- Giới thiệu Chỉ thị số 02/2008/CT-UBND của UBND tỉnh Bến Tre về việc tăng cường quản lý nhà nước-chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre 9

- Giới thiệu Quyết định số 10/2008/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang ban hành Quy định chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch ở nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang 11

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

KS. HUỖNH PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.NGUYỄN THỊ HỒNG TRANG

CN. HOÀNG ĐẠI HẢI

CN. TRẦN HỒNG NHUNG

CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

- Giới thiệu Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND của UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh 12

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu Dự án sự nghiệp kinh tế: “Điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng việc xác định chi phí đầu tư xây dựng công trình theo các yếu tố và khoản mục chi phí trong thời gian vừa qua; trên cơ sở đó đề xuất các chỉ tiêu và cơ cấu chi phí hợp lý phục vụ việc xác định chi phí đầu tư xây dựng công trình” 16

- Nghiệm thu đề tài: Nghiên cứu những giải pháp phát triển công nghiệp xi măng bền vững theo 3 trục kinh tế - xã hội - môi trường 17

- Nghiệm thu công trình đường Hồ Chí Minh giai đoạn 1 - Đoạn Thạch Quảng - Ngọc Hồi 19

- Chương trình sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động xây dựng 20

- Hội thảo ABB – Thủy Sỹ trong ngành công nghiệp xi măng 22

- Quy hoạch chi tiết xây dựng các cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Đà Nẵng và Chu Lai 25

- Ứng dụng công nghệ nanô trong sản xuất bê tông 28

Thông tin

- Khu công nghiệp Yên Phong thu hút nhiều nhà đầu tư Hàn Quốc 30

- Hội thảo "Vật liệu xây dựng tăng giá, nguy cơ phá sản của nhà thầu" 30

- Công bố Quyết định thành lập Trường Cao đẳng nghề Licogi 32

- Viện Vật liệu Xây dựng và lộ trình thực hiện đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động 33

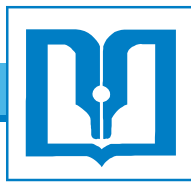
- Bộ Xây dựng họp bàn về các giải pháp bình ổn thị trường xi măng 36

- Thị trấn Tân Châu huyện Tân Châu tỉnh An Giang được nâng cấp lên đô thị loại IV 37

- Thị trường bất động sản trong nền kinh tế thị trường nước Mỹ 39

- Kinh nghiệm giám sát và quản lý chất lượng công trình xây dựng của Trung Quốc 40

- **Tin xây dựng quốc tế qua mạng Internet** 44



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Giới thiệu Quyết định số 02/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý các dự án đầu tư xây dựng của các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các Cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài

Ngày 07/01/2008, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định số 02/2008/QĐ-TTg ban hành Quy chế quản lý các dự án đầu tư xây dựng của các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các Cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo. Các quy định trước đây trái với Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Phạm vi điều chỉnh của Quy chế này bao gồm hoạt động đầu tư của các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và Cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài có sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước. Đối tượng điều chỉnh là các dự án đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp lại các trụ sở làm việc hiện có, sử dụng vốn ngân sách nhà nước hoặc vốn có nguồn gốc ngân sách nhà nước; các dự án đầu tư mua nhà, mua đất xây dựng trụ sở làm việc và nhà ở cho cán bộ, nhân viên sử dụng vốn ngân sách nhà nước hoặc vốn có nguồn gốc ngân sách nhà nước (gọi chung là dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc).

Các dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và Cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài phải thực hiện theo quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan. Trường hợp có những quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì thực hiện theo quy định tại Quy chế này và pháp luật của nước sở tại có dự án đầu tư.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của các Cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài phải có ý kiến bằng văn bản của Bộ

Ngoại giao về chủ trương đầu tư trước khi gửi lấy ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở Trung ương có liên quan.

Căn cứ định hướng chiến lược, kế hoạch dài hạn về quan hệ hợp tác quốc tế của Nhà nước, Bộ Ngoại giao, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở Trung ương lập kế hoạch dài hạn và trung hạn (5 năm) về đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và Cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài. Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp kế hoạch dài hạn và trung hạn về đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và Cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Khi lập dự án, chủ đầu tư lập dự án đầu tư phải thực hiện đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật hiện hành về lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, trong đó có căn cứ ý kiến của cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại có dự án đầu tư về: địa điểm xây dựng, giá mua bán nhà hoặc xây dựng và các vấn đề khác có liên quan đến dự án đầu tư xây dựng.

Đối với dự án có tổng mức đầu tư (quy ngoại tệ) từ 10 triệu USD trở lên: các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở Trung ương có dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc ở nước ngoài chủ trì thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư;

Đối với dự án đầu tư có tổng mức đầu tư dưới 10 triệu USD: các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ

quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở Trung ương có dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc ở nước ngoài thẩm định và quyết định đầu tư.

Các dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của Cơ quan quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và Cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài phải tuân thủ các bước thiết kế như sau:

Dự án có tổng mức đầu tư từ 10 triệu USD trở lên: gồm thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công.

Dự án có tổng mức đầu tư dưới 10 triệu USD: gồm thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công.

Việc thiết kế xây dựng phải tuân theo quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng do nhà nước ban hành, trừ trường hợp phải áp dụng quy chuẩn xây dựng và tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng của nước sở tại có dự án đầu tư.

Tổ chức thiết kế xây dựng (kể cả tổ chức ở Việt Nam) phải thực hiện công tác giám sát tác giả trong suốt quá trình thi công xây dựng.

Việc lập, phê duyệt, quản lý dự toán, tổng dự toán thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Riêng về định mức, đơn giá dự toán cần phải căn cứ quy định của nước sở tại có dự án đầu tư.

Trong quá trình xây dựng, nếu có phát sinh cần sửa đổi thiết kế, dự toán nhưng không thay đổi quy mô công trình đã được duyệt thì chủ

đầu tư xem xét quyết định. Trường hợp làm thay đổi quy mô, mục tiêu và tăng tổng mức đầu tư của dự án đã được duyệt thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư quyết định.

Việc quản lý thi công xây dựng công trình bao gồm quản lý chất lượng, quản lý tiến độ, quản lý khối lượng thi công, quản lý an toàn lao động trên công trường do chủ đầu tư trực tiếp thực hiện. Trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực về quản lý thi công xây dựng thì có thể ký hợp đồng thuê toàn bộ hoặc một phần công việc quản lý thi công xây dựng.

Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm quản lý hoạt động đầu tư xây dựng các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở Trung ương chịu trách nhiệm quản lý hoạt động đầu tư xây dựng các Cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài.

Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quy chế này.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ liên quan hướng dẫn thanh toán và quyết toán vốn đầu tư các dự án đầu tư xây dựng của các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và Cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài.

(Xem toàn văn: www.vietnam.gov.vn)

Giới thiệu Quyết định số 31/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ

Ngày 25/02/2008, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 31/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09/1/2007 của Thủ tướng Chính phủ:

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 : "3. Thời điểm áp dụng là thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Các đối tượng bị thu hồi đất phát sinh sau thời điểm Quyết định này có hiệu lực, chỉ được áp dụng Quy định này nếu là hộ hợp pháp,

được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện và xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền điều động đến nhận công tác tại nơi có hộ dân phải di chuyển đến điểm tái định cư sau thời điểm Quyết định số 196/2004/QĐ-TTg ngày 29/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư Dự án thủy điện Sơn La có hiệu lực, có tài sản gắn với đất được hình thành trong thời gian công tác thì được bồi thường tài sản đó.

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện và xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã".

Bổ sung điểm d khoản 6 Điều 10: "d) Trường hợp hộ tái định cư có đất sản xuất ở vị trí trên cốt ngập, chuyển đến điểm tái định cư xa nơi sản xuất cũ thì đất sản xuất tại nơi ở cũ bị thu hồi, được bồi thường thiệt hại về đất và giao đất sản xuất tại điểm tái định cư.

Diện tích đất sản xuất bị thu hồi giao chính quyền địa phương quản lý theo quy định hiện hành. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tình hình

thực tế để quy định cụ thể."

Bổ sung các điểm i và k khoản 1 Điều 17 : "i) Hộ sở tại bị thu hồi đất và bị ảnh hưởng nguồn nước sinh hoạt để xây dựng điểm tái định cư tập trung nông thôn được hỗ trợ đầu tư nước sinh hoạt như đối với hộ tái định cư; k) Hộ sở tại bị thu hồi đất và bị ảnh hưởng nguồn điện sinh hoạt để xây dựng điểm tái định cư tập trung nông thôn được hỗ trợ đầu tư điện sinh hoạt như đối với hộ tái định cư. Điểm i, điểm k khoản 3 của Điều này thay thế khoản 1, khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 141/2007/QĐ-TTg ngày 24/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể mức hỗ trợ cho các đối tượng nêu tại điểm i, điểm k khoản 3 Điều này."

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.

(Xem toàn văn: www.vietnam.gov.vn)

Giới thiệu Thông tư Liên tịch số 14/2008/TTLT-BTC -BTNMT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai

Ngày 31/01/2008, Liên Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên Môi trường đã ban hành Thông tư liên tịch số 14/2008/TTLT-BTC-BTNMT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng

đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai như sau:

1. Thủ tục ghi nợ quyền sử dụng đất quy định tại Điều 5 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP

- Ghi nợ tiền sử dụng đất: Hộ gia đình, cá nhân chưa đủ khả năng nộp tiền sử dụng đất

mà có nguyện vọng ghi nợ thì được ghi nợ tiền sử dụng đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong các trường hợp:

+ Hộ gia đình, cá nhân được chuyển mục đích sử dụng đất, được cấp Giấy chứng nhận mà phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 6, Điều 8 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất.

+ Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất tái định cư

- Thủ tục ghi nợ tiền sử dụng đất: Kể từ ngày 02/7/2007 (ngày Nghị định 84/2007/NĐ-CP có hiệu lực thi hành), hộ gia đình, cá nhân chưa đủ khả năng nộp tiền sử dụng đất có đơn đề nghị được ghi nợ tiền sử dụng đất kèm theo hồ sơ xin cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất hoặc hồ sơ giao đất tái định cư thì được ghi nợ tiền sử dụng đất.

2. Xác định nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền quy định tại Khoản 1 Điều 11

- Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất hoặc nhà ở gắn với quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 mà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có một trong các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai nhưng có giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất có chữ ký của bên chuyển quyền (kể cả không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc chuyển quyền), nay nếu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không phải thực hiện thủ tục chuyển quyền nhưng phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định.

3. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp đất đã được giao không đúng thẩm quyền trước ngày 01/7/2004 nhưng người sử dụng đất đã nộp tiền để được sử dụng đất quy định tại Điều 16.

- Giấy tờ chứng minh về việc đã nộp tiền cho cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 16 Nghị định

số 84/2007/NĐ-CP bao gồm một trong các loại sau:

+ Biên lai (phiếu thu, hóa đơn) thu tiền để được sử dụng đất, thu tiền đền bù theo Quyết định số 186/HĐBT ngày 31/5/1990 về đền bù thiệt hại đất nông nghiệp, đất có rừng khi chuyển sang sử dụng vào mục đích khác

+ Biên lai (phiếu thu, hóa đơn) thu tiền theo Thông tư số 60/TC-TCT ngày 16/7/1993 của Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung việc giảm thuế, miễn thuế nông nghiệp.

+ Biên lai (phiếu thu, hóa đơn) theo quy định về thu tiền đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hoặc của cơ quan, tổ chức giao đất không đúng thẩm quyền đã được cơ quan, tổ chức đó cấp cho hộ gia đình, cá nhân.

4. Xử lý nghĩa vụ tài chính về đất đai trong trường hợp tổ chức kinh tế liên doanh chuyển thành tổ chức kinh tế 100% vốn nước ngoài quy định tại Điều 23.

Việc xử lý đối với giá trị quyền sử dụng đất đã góp vốn vào liên doanh của bên Việt Nam thực hiện như sau:

- Nộp ngân sách nhà nước phần vốn ngân sách nhà nước cấp được tính bằng quyền sử dụng đất theo thời hạn chuyển nhượng vốn tính từ thời điểm sử dụng quyền sử dụng đất để góp vốn liên doanh đến thời điểm chuyển nhượng với diện tích đất góp vốn và đơn giá thuê đất theo Hợp đồng nhận nợ với cơ quan tài chính.

- Nộp ngân sách nhà nước thu sử dụng vốn ngân sách nhà nước bằng giá trị quyền sử dụng đất được phép góp vốn liên doanh. Đối với doanh nghiệp bên Việt Nam chưa nhận nợ hoặc chưa nhận giao vốn và chưa thu tiền sử dụng vốn cho ngân sách nhà nước thì thực hiện nộp thu sử dụng vốn. Từ thời điểm được sử dụng đất để góp vốn đến 31/12/2000 thì mức nộp là 3% tính trên số vốn góp bằng giá trị quyền sử dụng đất. Từ 1/1/2001 đến 1/1/2002 mức nộp là 1,8%. Đối với các doanh nghiệp bên Việt Nam đã giao nhận nợ hoặc đã giao nhận vốn và đã nộp tiền sử dụng vốn vào ngân sách nhà nước thì phải nộp thu sử dụng vốn của thời gian chưa nộp tính đến thời điểm ngày 31/12/2001.

Tổ chức kinh tế có 100% vốn nước ngoài nhận chuyển nhượng phần góp vốn của bên Việt Nam bằng giá trị quyền sử dụng đất phải làm thủ tục thuê đất và không phải trả tiền thuê đất đối với thời gian mà bên Việt Nam đã chuyển nhượng vốn góp bằng giá trị quyền sử dụng đất. Hết thời hạn nhận chuyển nhượng vốn góp bằng giá trị quyền sử dụng đất của bên Việt Nam, tổ chức kinh tế có 100% vốn nước ngoài phải nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật.

Sau khi các bên hoàn thành thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm ra quyết định chấm dứt Hợp đồng thuê đất đối với tổ chức kinh tế trong nước; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho tổ chức kinh tế có 100% vốn nước ngoài thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Thông tư này hướng dẫn thực hiện Điều 24

về nhận chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất; Điều 28 về trình tự, thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư; Điều 43 về việc hỗ trợ đối với đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư và đất vườn, ao liền kề với đất ở trong khu dân cư; Kinh phí chuẩn bị hồ sơ địa chính cho khu đất bị thu hồi quy định tại khoản 3 Điều 50; Lập, thẩm định và xét duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quy định tại Điều 51 và 56.

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ những quy định hướng dẫn thực hiện khoản 6 và khoản 8 Điều 8, Điều 41, Điều 42, Điều 47, Điều 49 và đoạn 2 khoản 2 Điều 50 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP tại Thông tư số 116/2004/TT-BTC và Thông tư số 69/2006/TT-BTC.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Giới thiệu Chỉ thị số 02/2008/CT-UBND của UBND tỉnh Bến Tre về việc tăng cường quản lý nhà nước-chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre

Ngày 05/2/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre đã ban hành Chỉ thị số 02/2008/CT-UBND về việc tăng cường quản lý nhà nước - chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre yêu cầu:

- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và cấp xã tăng cường chỉ đạo đẩy nhanh tốc độ lập quy hoạch xây dựng theo phân cấp. Các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi

trường, Giao thông Vận tải, Công nghiệp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Chủ tịch UBND các huyện, thị tập trung rà soát các dự án đang triển khai về sự phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được duyệt, để xử lý hoặc kiến nghị xử lý các dự án đầu tư xây dựng không còn phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Ủy ban nhân dân các huyện, thị có trách nhiệm cung cấp các thông tin chủ yếu về quy hoạch xây dựng.

- Việc đề xuất chủ trương đầu tư phải xuất

phát từ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm; quy hoạch ngành, vùng; quy hoạch xây dựng. Chủ trương đầu tư phải thể hiện các nội dung: vị trí, diện tích đất sử dụng, quy mô, nguồn vốn đầu tư, thời gian thực hiện dự án. Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối đề xuất chủ trương đầu tư trên cơ sở tham khảo ý kiến các sở, ngành chuyên môn đối với nguồn vốn đầu tư xây dựng do tỉnh quản lý.

- Việc lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư công trình phải phù hợp với quy hoạch xây dựng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch, kế hoạch, danh mục dự án đầu tư; đảm bảo thực hiện đúng các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong xây dựng; phù hợp với khả năng bố trí vốn.

- Việc lựa chọn nhà thầu phải công khai, minh bạch; lựa chọn nhà thầu phải có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề xây dựng với chi phí hợp lý. Đấu thầu trong xây dựng công trình chỉ được thực hiện khi đã xác định được nguồn vốn để thực hiện.

- Việc khảo sát, thiết kế và lập dự toán xây dựng: chủ đầu tư xây dựng công trình, nhà thầu khảo sát, tư vấn khảo sát phải tổ chức thực hiện nghiêm quy trình, quy định về công tác khảo sát xây dựng. Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình phải thực hiện đúng nhiệm vụ thiết kế được người có thẩm quyền phê duyệt, được quyền từ chối thực hiện các yêu cầu ngoài nhiệm vụ thiết kế; chỉ được nhận thầu thiết kế công trình phù hợp với điều kiện năng lực hoạt động, năng lực hành nghề thiết kế. Nhà thầu thiết kế có trách nhiệm lập quy trình bảo trì công trình xây dựng phù hợp với loại và cấp công trình xây dựng. Nhà thầu thiết kế chưa hoàn thành việc lập quy trình bảo trì công trình xây dựng thì xem như chưa đủ điều kiện để nghiệm thu sản phẩm thiết kế.

- Nghiêm cấm sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước để tổ chức lễ động thổ, lễ khởi công,

lễ khánh thành đối với những công trình không thuộc diện quy định cho phép.

- Nhà thầu thi công xây dựng phải đảm bảo chất lượng và tiến độ theo hợp đồng và chịu mọi chi phí thiệt hại cho chủ đầu tư do việc chậm tiến độ gây ra.

- Chủ đầu tư xây dựng chịu trách nhiệm giám sát tiến độ thi công của nhà thầu thi công xây dựng theo hợp đồng đã ký kết, chịu trách nhiệm khi nghiệm thu không đảm bảo chất lượng làm sai lệch kết quả nghiệm thu, nghiệm thu khối lượng không đúng, sai thiết kế, nghiệm thu chậm... gây thiệt hại cho người sử dụng công trình.

- Việc bố trí nguồn vốn thực hiện dự án đầu tư phải phù hợp với danh mục dự án đầu tư được duyệt, tính chất, quy mô, tiến độ, yêu cầu của dự án đầu tư và khả năng ngân sách Nhà nước. Nghiêm cấm ứng trước vốn đầu tư từ vốn Nhà nước cho dự án chưa được phê duyệt; nghiêm cấm việc chuyển nguồn vốn vay trong dự án đầu tư thành nguồn vốn Nhà nước cấp, trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép. Đối với dự án đầu tư đã được phê duyệt và bố trí vốn nhưng chậm khởi công xây dựng thì phải điều chuyển vốn cho dự án đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

- Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định, hướng dẫn chi tiết công tác thanh quyết toán, thanh lý hợp đồng trong hoạt động xây dựng, kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình từ nguồn vốn Nhà nước để thống nhất áp dụng trên địa bàn tỉnh và công khai để nhân dân giám sát.

- Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiện toàn, sắp xếp lại các ban quản lý dự án theo quy định của pháp luật hiện hành, trường hợp sắp xếp không được thì mạnh dạn đề xuất giải thể các ban quản lý dự án không đủ điều kiện năng lực.

Chỉ thị này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn: www.vietnam.gov.vn)

Giới thiệu Quyết định số 10/2008/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang ban hành Quy định chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch ở nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang

Ngày 03/3/2008, UBND tỉnh An Giang đã có Quyết định số 10/2008/QĐ-UBND ban hành Quy định chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch ở nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang.

Quy định này nhằm khuyến khích, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước thực hiện dự án xây dựng hệ thống cấp nước sạch ở nông thôn bao gồm các xã thuộc huyện, thị, thành phố của Tỉnh An Giang.

- Khuyến khích các nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch ở nông thôn trên địa bàn tỉnh bằng nhiều nguồn vốn đầu tư hợp pháp theo quy định của pháp luật. Đặc biệt khuyến khích các nhà đầu tư thực hiện dự án xây dựng hệ thống cấp nước sạch ở nông thôn ở các vùng có đồng bào dân tộc ít người sinh sống, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

- Các dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch nông thôn ở các vùng có nhiều đồng bào dân tộc ít người sinh sống, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn sẽ được Chi nhánh Ngân hàng phát triển Việt Nam tỉnh An Giang tiếp nhận hồ sơ trình Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét cho vay vốn đầu tư hoặc hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ nguồn vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Phát triển Việt Nam không cân đối được nguồn vốn để cho vay hoặc hỗ trợ lãi suất sau đầu tư thì ngân sách tỉnh sẽ xem xét thực hiện hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho phần vốn vay để đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch ở nông thôn thực hiện tại địa bàn tỉnh An Giang trong thời hạn 3 năm với mức hỗ trợ bằng với mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư theo

quy định đối với tín dụng đầu tư Nhà nước. Ngân sách tỉnh chịu chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng để tạo quỹ đất và cho nhà đầu tư thuê đất triển khai xây dựng trạm cấp nước sạch hoặc nhà máy cấp nước sạch ở nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Những dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch ở nông thôn thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn (Tri Tôn, Tịnh Biên, An Phú, Tân Châu và Thoại Sơn) được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10%/năm trong 15 năm kể từ khi đi vào hoạt động, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Các ưu đãi đầu tư khác bao gồm miễn tiền thuê đất trong 15 năm kể từ khi xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng; miễn 100% tiền sử dụng đất nếu được giao đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất; miễn thuế nhập khẩu theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu và các Văn bản hướng dẫn thi hành; được áp dụng chính sách hỗ trợ về tín dụng theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 151/2006/NĐ-CP; được khấu hao nhanh tài sản cố định, được chuyển lỗ và trừ vào thu nhập chịu thuế của những năm sau (thời gian chuyển lỗ không quá 5 năm).

- Chủ đầu tư có quyền quyết định giá bán nước sạch phù hợp với biểu giá nước sạch do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và có thể chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần quyền kinh doanh dịch vụ cấp nước cho nhà đầu tư khác theo quy định pháp luật.

Việc cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch ở

nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang được thực hiện theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư.

- Chủ đầu tư phải nộp 8 bộ hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ đầu tư phải nộp 4 bộ hồ sơ cho Ban quản lý các khu công nghiệp, Ban quản lý khu

kinh tế cửa khẩu tỉnh đối với dự án thuộc thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư của các cơ quan này. Thời gian cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án thuộc quy trình đăng ký là 15 ngày làm việc và 25 ngày làm việc đối với dự án thuộc quy trình thẩm tra.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.angiang.gov.vn)

Giới thiệu Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND của UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 12/3/2008, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành kèm theo Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND Quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Văn bản này quy định trách nhiệm của các ngành, các cấp trên địa bàn thành phố trong công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng; trách nhiệm của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

1. Sở Xây dựng là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng các công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính thành phố Hồ Chí Minh, Sở Xây dựng có trách nhiệm:

+ Trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn, triển khai các quy định của pháp luật về xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; Tổ chức nghiên cứu tình hình địa chất, địa

chất thủy văn và kiến nghị ban hành các quy định về xây dựng công trình ngầm trên địa bàn;

+ Phổ biến hướng dẫn các Sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các quận-huyện, phường-xã, thị trấn, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố thực hiện đầy đủ nội dung các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước và của thành phố Hồ Chí Minh về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng;

+ Tổ chức hướng dẫn kiểm tra định kỳ (theo Phụ lục 2 của Thông tư số 12/2005/TT-BXD ngày 15 tháng 7 năm 2005 của Bộ Xây dựng) đối với các công trình xây dựng trọng điểm, quan trọng của thành phố, công trình nếu xảy ra sự cố có thể gây ra thảm họa (quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP) và kiểm tra đột xuất việc tuân thủ các quy định của Nhà nước và thành phố về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên toàn địa bàn về sự tuân thủ nội dung thẩm định thiết kế cơ sở, của giấy phép xây dựng hay của quyết

định đầu tư do cấp có thẩm quyền cấp.

+ Tăng cường công tác kiểm tra việc tuân thủ trình tự đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo các quy định của pháp luật về xây dựng đối với những công trình do Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng, công trình xây dựng nhà cao tầng, đặc biệt là công trình có tầng hầm.

+ Hướng dẫn chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình về công tác bảo hành, bảo trì công trình đúng quy định.

+ Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra công tác cấp giấy chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

+ Tổ chức thực hiện việc giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

+ Phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khi kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn.

+ Phối hợp với Phòng quản lý đô thị quận - huyện, Thanh tra xây dựng quận - huyện, phường - xã, thị trấn trong công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về chất lượng công trình xây dựng khi có yêu cầu; xử lý sự cố công trình.

+ Theo dõi, kiểm tra, có hình thức phân loại, đánh giá định kỳ đối với công tác quản lý chất lượng của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

+ Tổ chức, chỉ đạo, quản lý Thanh tra chuyên ngành xây dựng của Sở Xây dựng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.

+ Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông tin của cộng đồng dân cư, báo chí cung cấp liên quan đến việc vi phạm chất lượng công trình xây dựng, Giám đốc Sở Xây dựng phải xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền, báo cáo cơ quan cấp trên những vấn đề vượt thẩm quyền.

+ Tập hợp, thống kê chính xác để có báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố định kỳ, đột

xuất về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

2. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành gồm: Sở Giao thông-Công chính, Sở Công nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Bưu chính viễn thông có trách nhiệm:

+ Quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với những công trình do mình tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở hoặc cấp phép xây dựng.

+ Chủ động thực hiện các công việc nêu tại khoản 1, 3, 10, 12 Điều 3 của Quy định này đối với các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn.

+ Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện các công việc nêu trong khoản 3, 4, 6 Điều 3 của Quy định này đối với công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn.

+ Thống kê chính xác để có báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm về tình hình quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn, gửi Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Xây dựng.

+ Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành phải tổ chức bộ phận chuyên trách về quản lý chất lượng công trình xây dựng để giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ.

3. Các sở, ban, ngành có dự án đầu tư xây dựng có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng và đầy đủ các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng thuộc sở, ngành, tổ chức bộ phận theo dõi, hướng dẫn và tổng hợp công tác quản lý dự án, quản lý chất lượng công trình;

4. Sở Tài chính, kho bạc Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng theo đúng

quy định của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân thành phố; Thực hiện thanh quyết toán vốn đầu tư với các dự án đã tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Ủy ban nhân dân quận-huyện có trách nhiệm:

+ Quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

+ Hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng, thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, đặc biệt là năng lực trong hoạt động xây dựng của các tổ chức, cá nhân tham gia.

+ Tăng cường công tác kiểm tra việc tuân thủ trình tự đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với những công trình do Ủy ban nhân dân quận - huyện cấp giấy phép xây dựng, đặc biệt là công trình xây dựng nhà cao tầng, công trình có tầng hầm.

+ Chỉ đạo Phòng quản lý đô thị, Thanh tra xây dựng quận -huyện phối hợp với Thanh tra xây dựng cấp thành phố tiến hành kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định của giấy phép xây dựng, chú trọng các công trình có tầng hầm, xây chen trong đô thị.

+ Tổ chức kiểm tra đột xuất hồ sơ nghiệm thu giai đoạn xây dựng hoàn thành, hồ sơ nghiệm thu hoàn thành đưa hạng mục công trình, công trình vào sử dụng (theo Phụ lục 2 Thông tư 12/2005/TT-BXD ngày 15/7/2005 của Bộ Xây dựng).

+ Theo dõi, đề xuất và phối hợp với Sở Xây dựng, các cơ quan, đơn vị quản lý nhà, chủ sở hữu, chủ quản lý sử dụng kiểm tra, thống kê tình trạng nhà công sở, nhà ở, các khu nhà tập thể, chung cư xuống cấp không đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

+ Hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết và lập hồ sơ sự cố công trình xây dựng. Trường hợp cần

thiết, Ủy ban nhân dân quận - huyện có văn bản đề nghị Sở Xây dựng hướng dẫn để tổ chức thực hiện.

+ Tổng hợp tình hình, báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm về tình hình chất lượng công trình xây dựng thuộc quận - huyện quản lý. Báo cáo định kỳ 3 tháng một lần danh mục các công trình dự án khởi công xây dựng trên địa bàn về Sở Xây dựng để tổng hợp, theo dõi, kiểm tra.

6. Thanh tra Xây dựng quận - huyện giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận-huyện thực hiện công tác thanh tra, các nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn. Thanh tra xây dựng quận huyện có trách nhiệm kiên quyết đình chỉ thi công công trình xây dựng có vi phạm pháp luật về xây dựng, xử lý kịp thời, nghiêm minh theo thẩm quyền đối với hành vi vi phạm; Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình, bộ phận công trình xây dựng vi phạm theo thẩm quyền, khi hết thời hạn quy định mà chủ đầu tư không tự phá dỡ hoặc vắng mặt.

7. Ủy ban nhân dân phường- xã, thị trấn có trách nhiệm:

+ Tiếp nhận, xác nhận thông báo khởi công của chủ đầu tư đối với các công trình xây dựng trên địa bàn, phân công lực lượng Thanh tra xây dựng phường - xã, thị trấn theo dõi, kiểm tra.

+ Lập danh mục theo dõi các công trình, dự án khởi công xây dựng trên địa bàn, kể cả nhà ở riêng lẻ, định kỳ 3 tháng một lần báo cáo Ủy ban nhân dân quận - huyện để tổng hợp, theo dõi, kiểm tra.

+ Phối hợp với Phòng quản lý đô thị lập danh mục công trình xảy ra sự cố trên địa bàn, theo dõi chất lượng sử dụng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn.

+ Theo dõi, kiểm tra tình hình xây dựng trên địa bàn.

+ Ban hành quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình khi các đơn vị tham gia xây

dụng có hành vi vi phạm pháp luật về xây dựng nhưng không chấp hành yêu cầu ngừng thi công của Thanh tra viên xây dựng cấp phường - xã; Ban hành quyết định cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị theo thẩm quyền.

+ Tổ chức lực lượng Thanh tra xây dựng phường - xã, thị trấn trên địa bàn, đảm bảo hoạt động hiệu quả.

Trong Quy định này cũng nêu cụ thể trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng, bao gồm chủ đầu tư, nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công xây dựng công trình, chủ sở hữu hoặc chủ sử dụng công trình...

- Chủ đầu tư xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về chất lượng công trình xây dựng. Trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực thì phải thuê tư vấn đủ năng lực để giúp thực hiện hoặc thẩm tra thiết kế, triển khai thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Nhà thầu khảo sát chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng kết quả khảo sát, phải bồi thường khi thực hiện không đúng nhiệm vụ khảo sát, khảo sát sai thực tế gây phát sinh khối lượng, sử dụng các thông tin, tài liệu, quy chuẩn, tiêu chuẩn về khảo sát xây dựng không phù hợp, các hư hỏng, sự cố công trình do lỗi khảo sát gây ra trong niên hạn sử dụng công trình.

- Nhà thầu thiết kế chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng thiết kế, chỉ được nhận thầu thiết kế xây dựng công trình phù hợp với điều kiện năng lực hoạt động thiết kế xây dựng công trình, năng lực hành nghề thiết kế xây dựng công trình đúng quy định. Nhà thầu thiết kế có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do lỗi thiết kế và tùy theo mức độ vi phạm còn bị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Nhà thầu tư vấn giám sát phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng giám sát thi công xây dựng công trình, chỉ

được nhận thầu giám sát thi công xây dựng phù hợp với điều kiện năng lực hoạt động, năng lực hành nghề. Không được thông đồng với nhà thầu thi công, với chủ đầu tư xây dựng công trình hoặc có các hành vi vi phạm khác làm sai lệch kết quả giám sát, ảnh hưởng đến chất lượng công trình.

- Nhà thầu thi công xây dựng công trình chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công trình xây dựng, chỉ được nhận thầu thi công xây dựng công trình phù hợp với điều kiện năng lực hoạt động thi công xây dựng. Chịu trách nhiệm quản lý chất lượng thi công xây dựng ở các nội dung: lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu, tính chất, quy mô công trình xây dựng; thi công xây dựng theo đúng thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và vệ sinh môi trường; thực hiện các thí nghiệm kiểm tra vật liệu, sản phẩm xây dựng; lập và ghi nhật ký thi công xây dựng công trình theo quy định; nghiệm thu nội bộ và lập bản vẽ hoàn công cho bộ phận công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng và công trình xây dựng hoàn thành; chuẩn bị tài liệu làm căn cứ nghiệm thu và lập phiếu yêu cầu chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu.

- Chủ sở hữu, chủ sử dụng công trình chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình sau khi đưa công trình vào khai thác sử dụng, xem xét phát hiện hư hỏng để yêu cầu chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung ứng thiết bị sửa chữa hoặc thay thế; chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chất lượng công trình xây dựng bị xuống cấp do không thực hiện quy trình bảo trì công trình xây dựng theo quy định.

Sở Xây dựng được giao tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Quy định này.

(Xem toàn văn tại: hochiminhcity.gov.vn)



Nghiệm thu Dự án sự nghiệp kinh tế: “Điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng việc xác định chi phí đầu tư xây dựng công trình theo các yếu tố và khoản mục chi phí trong thời gian vừa qua; trên cơ sở đó đề xuất các chỉ tiêu và cơ cấu chi phí hợp lý phục vụ việc xác định chi phí đầu tư xây dựng công trình”

Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình là một nội dung rất quan trọng trong quản lý đầu tư xây dựng ở từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế, đòi hỏi phải có một cơ chế quản lý phù hợp. Quản lý chi phí công trình là vấn đề rất khó khăn, phức tạp, đồng thời cũng là yếu tố có tác động mạnh và nhạy cảm đối với thực tế đời sống xã hội, nhất là từ khi nền kinh tế Việt Nam chuyển sang vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trách nhiệm và lợi ích của mỗi bên tham gia thị trường trở nên rõ rệt thì việc nghiên cứu hoàn thiện hệ thống quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình là một yêu cầu thực tế khách quan.

Xuất phát từ thực tiễn trên, ngày 21/3/2008, Bộ Xây dựng đã thành lập Hội đồng nghiệm thu Dự án sự nghiệp kinh tế “Điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng việc xác định chi phí đầu tư xây dựng công trình theo các yếu tố và khoản mục chi phí trong thời gian vừa qua; trên cơ sở đó đề xuất các chỉ tiêu và cơ cấu chi phí hợp lý phục vụ việc xác định chi phí đầu tư xây dựng công trình” do Tiến sỹ Dương Văn Cận - Viện trưởng Viện Kinh tế Xây dựng làm chủ nhiệm dự án.

Mục đích của nghiên cứu nhằm hoàn thiện và bổ sung cơ sở lý luận về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thích ứng với điều kiện cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Từ thực tế đầu tư xây dựng, nghiên cứu làm rõ thực trạng chất lượng quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, xác định các

nguyên nhân tạo nên tồn tại trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Qua đó xác định cơ cấu các khoản mục chi phí đầu tư xây dựng công trình hợp lý, nghiên cứu và đề xuất một số yếu tố cấu thành chi phí đầu tư xây dựng công trình cần hoàn thiện cho phù hợp với lộ trình hội nhập khu vực và quốc tế.

Báo cáo kết quả dự án sự nghiệp kinh tế gồm 2 chương. Trong chương I, tác giả đã đi từ việc xác định tính cấp thiết, mục đích, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu đến việc đánh giá thực trạng tình hình quản lý chi phí theo các yếu tố và khoản mục chi phí ở các giai đoạn của quá trình đầu tư xây dựng công trình từ năm 1955 đến nay, qua đó rút ra tồn tại và những nguyên nhân của tồn tại, đó là các yếu tố tính toán chi phí mang tính bình quân và thường xuyên thay đổi, chất lượng công tác kiểm soát khối lượng không cao và không đảm bảo tiến độ, chịu ảnh hưởng của yếu tố trượt giá. Từ những nhận xét rút ra từ việc đánh giá thực trạng ở chương I, tác giả đã đưa ra một số đề xuất đổi mới các yếu tố và khoản mục xác định chi phí trong đầu tư xây dựng công trình ở chương II, cụ thể như sau:

Đối với việc đổi mới định mức xây dựng công trình, tác giả đề xuất thực hiện đa dạng hoá khi sử dụng và giảm bớt các chi tiết vụn vặt. Dự án tập trung nghiên cứu và đề xuất định hướng việc xác định và quản lý các yếu tố chi phí như chi phí trực tiếp (kể cả trực tiếp phí khác), định mức chi phí chung, khoản mục thu nhập chịu thuế tính trước, chi phí nhà tạm để ở và điều

hành thi công, chi phí dự phòng trong dự toán xây dựng công trình. Về các chỉ tiêu tổng hợp, nghiên cứu đề xuất xây dựng các chỉ tiêu tổng hợp như suất đầu tư xây dựng công trình và định mức độ dài thời gian xây dựng công trình. Xuất phát từ quản lý thực tiễn trong xây dựng, dự án đề xuất phải đổi mới công tác quản lý yếu tố chi phí xây dựng công trình tạm, phụ trợ phục vụ thi công hay còn gọi là chi phí công trình tạm. Theo đó chi phí này được xác định dưới dạng định mức tính theo tỷ lệ để khoán trong dự toán hoặc tính trong giá gói thầu trong trường hợp chỉ định thầu. Dự án cũng đưa ra đề xuất đổi mới cơ cấu dự toán chi phí xây dựng, theo đó chi phí xây dựng được thiết lập từ 5 thành phần chi phí, bao gồm chi phí trực tiếp, chi phí công trường, chi phí quản lý gián tiếp xây dựng công trình, lợi nhuận doanh nghiệp và thuế. Nội dung các khoản mục chi phí được xác định khác so với các quy định hiện hành. Một số vấn đề mà lâu nay chưa tìm được hướng đi thì nay có thể được khắc phục (như lãi vay của nhà thầu, khoản chi phí chuẩn bị công trường...). Cơ cấu chi phí theo đề xuất này cũng làm rõ khoản mục chi phí quản lý trực tiếp công trường và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp nghiên cứu của dự án dựa trên

cả nghiên cứu định tính và định lượng. Nghiên cứu định tính vận dụng cơ sở lý luận của kinh tế chính trị học Mác - Lê Nin, kinh tế học của nền kinh tế thị trường, khoa học quản lý và những kinh nghiệm điều hành nền kinh tế thị trường của các nước trong khu vực và trên thế giới. Nghiên cứu định lượng sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp, tổng hợp - phân tích và phương pháp hệ thống để nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tin học trong quá trình thực hiện một số nội dung của dự án.

Để việc quản lý chi phí ngày càng tốt hơn thì việc nghiên cứu, xác định cơ cấu chi phí đầu tư xây dựng công trình phù hợp theo từng giai đoạn, thời gian có một ý nghĩa rất lớn. Thực tế đã cho thấy ở mỗi giai đoạn thì mỗi cơ cấu chi phí đầu tư xây dựng công trình theo các văn bản điều tiết quản lý chi phí đều có những ưu điểm và những điểm còn hạn chế, bất cập. Kết quả nghiên cứu của dự án là cơ sở để phục vụ việc hoàn thiện các văn bản hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình, trình Bộ Xây dựng ban hành áp dụng thống nhất trong phạm vi cả nước. Dự án đã được Hội đồng nghiệm thu xếp loại Khá.

Nguyễn Hồng Trang

Nghiệm thu đề tài: Nghiên cứu những giải pháp phát triển công nghiệp xi măng bền vững theo 3 trục kinh tế - xã hội - môi trường

Bước vào thế kỷ 21, nền kinh tế nước ta đã chuyển sang giai đoạn phát triển lớn mạnh hơn, nên nhu cầu xi măng gia tăng mạnh mẽ. Để đáp ứng nhu cầu xi măng cho xây dựng và phát triển kinh tế trong giai đoạn từ năm 2000 đến 2010 và định hướng đến 2020 theo quyết định số 108/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngành công nghiệp xi măng cần được đánh giá lại quá trình phát triển trước đây và hiện nay, trên cơ sở đó xây dựng quy hoạch phát triển theo hướng hiện đại, hiệu quả nhằm

phục vụ các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Mặt khác, trong bối cảnh kinh tế nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng hơn vào kinh tế thế giới thì ngành công nghiệp xi măng Việt Nam cũng từng bước hội nhập với công nghiệp xi măng các nước ASEAN, châu Á và thế giới.

Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu các bài học kinh nghiệm trong quá trình phát triển công nghiệp xi măng các nước ASEAN và Trung Quốc, việc đánh giá lại hiện trạng công nghiệp

xi măng nước ta để đề xuất một số giải pháp phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam theo định hướng quy hoạch phát triển đã được Chính phủ phê duyệt và định hướng phát triển bền vững theo 3 trục kinh tế - xã hội - môi trường là một yêu cầu cấp bách. Đây cũng là nội dung chủ yếu của đề tài: “Nghiên cứu những giải pháp phát triển công nghiệp xi măng bền vững theo 3 trục kinh tế - xã hội - môi trường” do Hiệp hội Xi măng Việt Nam thực hiện (Chủ nhiệm đề tài: TS Nguyễn Ngọc Thiện - Chủ tịch Hiệp hội Xi măng Việt Nam).

Nội dung của đề tài gồm những phần sau:

1. Hiện trạng công nghiệp xi măng các nước ASEAN: Đánh giá hiện trạng công nghiệp xi măng các nước Ấn Độ, Malaixia, Philippin, Xingapo, Thái Lan và Brunây một cách tổng quan và cho các giai đoạn phát triển 1985 - 1997 và giai đoạn sau khủng hoảng tài chính 1997 - 1998 và về mối quan hệ giữa công nghiệp xi măng các nước ASEAN và Việt Nam.

2. Hiện trạng công nghiệp xi măng Trung Quốc: Đánh giá sơ lược quá trình phát triển công nghiệp xi măng Trung Quốc và các giai đoạn phát triển như: Giai đoạn bùng nổ xi măng lò đứng 1986 - 1995, Giai đoạn chuyển đổi từ lò đứng sang lò quay 1996 - 2005, Giai đoạn hiện đại hoá công nghiệp xi măng Trung Quốc 2006 - 2010; quan hệ ảnh hưởng của công nghiệp xi măng Trung Quốc với công nghiệp xi măng Việt Nam.

3. Hiện trạng công nghiệp xi măng Việt Nam: Tóm lược quá trình phát triển của ngành công nghiệp xi măng Việt Nam và đánh giá hiện trạng, trong đó đề cập đến những hạn chế phát triển, đề tài đã giới thiệu nguồn tài nguyên khoáng sản để sản xuất xi măng ở nước ta, tình hình đầu tư phát triển xi măng cho giai đoạn 1991 - 2007 về các mặt quy mô và tốc độ đầu tư, suất đầu tư, trình độ công nghệ, thiết bị và sự phát triển không đồng đều. Hiện trạng công nghiệp xi măng Việt Nam còn được đánh giá thông qua nhu cầu xi măng, năng lực cạnh tranh, vấn đề môi trường và nguồn nhân lực.

4. Các giải pháp phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam bền vững theo 3 trục kinh tế - xã hội - môi trường: đề tài nêu ra những vấn đề

chủ yếu về phát triển bền vững đối với công nghiệp xi măng nước ta đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

Những nội dung trong phần này mang tính định hướng và khuyến nghị đối với các cơ quan quản lý trong việc hoạch định chính sách phát triển xi măng và đối với các doanh nghiệp xi măng Việt Nam trong việc xây dựng chương trình hành động để phát triển bền vững.

Những giải pháp phát triển bền vững công nghiệp xi măng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 được xây dựng trên cơ sở kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020 của nước ta, quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 đồng thời tham khảo những bài học kinh nghiệm được đúc kết từ thực tế phát triển công nghiệp xi măng các nước Đông Nam Á và Trung Quốc.

Các giải pháp phát triển bền vững công nghiệp xi măng Việt Nam bao gồm :

- Các giải pháp kinh tế: Nội dung của giải pháp bao gồm việc đảm bảo mục tiêu tăng trưởng về năng lực sản xuất; liên tục đổi mới công nghệ thiết bị; sử dụng các nguồn phụ gia xi măng; quản lý các cơ sở nghiền xi măng; đa dạng hoá sản phẩm xi măng; vận tải Bắc - Nam; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để xuất khẩu xi măng; nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Các giải pháp về trách nhiệm xã hội: Về những vấn đề xã hội mà ngành công nghiệp xi măng nước ta có trách nhiệm chia sẻ và giải quyết là sản xuất xi măng tiêu hao nhiều tài nguyên, năng lượng v.v... gây ra nhiều khói, bụi, tiếng ồn, ảnh hưởng tới sức khỏe công nhân viên của nhà máy và dân cư sinh sống gần nhà máy, ảnh hưởng tới cảnh quan môi trường, ách tắc giao thông, hư hại đường sá v.v... Ngành xi măng cần thiết phải quan tâm giải quyết những vấn đề nêu trên và phải thể hiện trách nhiệm với xã hội. Đề tài cũng nêu ra một số hoạt động cụ thể mà ngành công nghiệp xi măng cần triển khai đối với giai đoạn bắt đầu xây dựng nhà máy và đối với các nhà máy đã đi vào sản xuất.

- Các giải pháp về trách nhiệm đối với môi trường bao gồm việc nâng cao trình độ công nghệ và thiết bị trong các nhà máy xi măng, sử dụng nhiên liệu thay thế, tái sử dụng chất thải, tận dụng nhiệt dư thừa, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và môi trường sinh thái tại các khu vực mỏ khai thác khoáng sản phục vụ sản xuất xi măng.

Ngoài ra, nội dung của các giải pháp còn nêu ra các hoạt động mà cơ quan quản lý môi trường cần thực hiện như: Kiểm tra đo các chỉ tiêu môi trường; xây dựng và thực hiện các chế tài đối với các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường; rà soát, bổ sung nâng cấp các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường; sử dụng các biện pháp truyền thông, dư luận cộng đồng dân cư và đưa việc thực hiện tốt trách nhiệm đối với môi trường là một trong những chỉ tiêu cấp giấy

phép hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và tôn vinh danh hiệu cho doanh nghiệp.

- Đề tài đã tổng hợp các giải pháp phát triển bền vững ngành công nghiệp xi măng Việt Nam trong một sơ đồ phát triển bền vững của công nghiệp xi măng mô tả mối quan hệ giữa 8 vấn đề và 3 trụ cột của phát triển bền vững, trong đó 3 trụ cột là Kinh tế - Xã hội - Môi trường và 8 vấn đề có mối quan hệ với nhau là Nguồn lực tài chính - Phát triển vùng - Phúc lợi cộng đồng - Phúc lợi công nhân viên - Trách nhiệm với hệ sinh thái - Giảm chất thải - Bảo vệ môi trường khí hậu - Hiệu suất sử dụng tài nguyên.

Hội đồng KHCV chuyên ngành Bộ Xây dựng đã nghiệm thu đề tài và đánh giá đề tài đạt loại khá.

Huỳnh Phước

Nghiệm thu công trình đường Hồ Chí Minh giai đoạn 1 - Đoạn Thạch Quảng - Ngọc Hồi

Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao, ngày 21/3/2008, Hội đồng nghiệm thu Nhà nước tiến hành họp hội đồng nghiệm thu công trình đường Hồ Chí Minh giai đoạn 1, đoạn Thạch Quảng - Ngọc Hồi. Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân - Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu Nhà nước chủ trì cuộc họp. Tham dự cuộc họp còn có đại diện chủ đầu tư, các nhà thầu, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, các chuyên gia của Hội đồng, Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Giám định Bộ Giao thông Vận tải, Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng - Bộ Xây dựng...

Dự án đường Hồ Chí Minh (giai đoạn 1) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 18/2000/QĐ-TTg ngày 3/2/2000 và được khởi công ngày 5/4/2000. Chủ đầu tư dự án là Bộ Giao thông Vận tải, đại diện chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh (với 9 ban quản lý khu vực theo hợp đồng ủy thác). Tư vấn thiết kế của Dự án gồm có Tổng Công ty tư vấn thiết kế giao thông vận tải (TEDI), Viện KHCV Giao thông Vận tải, Công ty Khảo sát - Thiết kế xây dựng - Bộ Quốc phòng, các công



ty tư vấn thiết kế của Bộ Giao thông Vận tải và một số công ty tư vấn địa phương tham gia với tư cách là B phụ. Đơn vị thi công của dự án bao gồm các nhà thầu xây dựng thuộc Bộ GTVT, Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, liên danh các nhà thầu địa phương có tuyến đi qua. Tư vấn giám sát dự án gồm Công ty Quality Couries International S.E.A Việt Nam (QCI) - Cu Ba, Công ty Tư vấn XD CTGT2, Trung tâm Kiểm định đường bộ 5 và một số đơn vị khác.

Công trình đường Hồ Chí Minh giai đoạn 1 được xây dựng tuân thủ quy mô và tiêu chuẩn

kỹ thuật được duyệt tại Quyết định số 18/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đến nay đoạn Thạch Quảng (Thanh Hóa) - Ngọc Hồi (Kon Tum) đã hoàn thành các bước nghiệm thu cơ sở, đưa vào khai thác sử dụng. Theo đánh giá của đơn vị tư vấn giám sát QCI của Cu Ba, công trình đường Hồ Chí Minh giai đoạn 1 về cơ bản đảm bảo chất lượng kỹ thuật theo tiêu chuẩn Việt Nam, chất lượng các cầu lớn, cầu trung và các công trình khác trên toàn tuyến tuy còn có những sai sót nhỏ nhưng nhìn chung là bền vững và ổn định.

Tuyến đường Hồ Chí Minh giai đoạn 1 dài hơn 1.200 km, qua nhiều khu vực có địa hình phức tạp. Đoạn Thạch Quảng - Ngọc Hồi và đường Hồ Chí Minh về quê Bác có 42 cầu lớn, 222 cầu trung, 2 hầm, 818 điểm bền vững hóa, hệ thống điện chiếu sáng qua 11 thị trấn. Các nhà thầu thi công đã rất cố gắng khắc phục khó khăn để hoàn thành tuyến đường này đưa vào sử dụng. Việc xây dựng tuyến đường này có ý nghĩa to lớn về kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng. Trong suốt quá trình triển khai xây dựng dự án, Hội đồng nghiệm thu Nhà nước và Thường trực Hội đồng, tổ chuyên gia thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra định kỳ, đột xuất, đã có ý kiến chỉ đạo về kỹ thuật, chất lượng cũng như chỉ ra những tồn tại, khiếm khuyết và đều có thông báo gửi Bộ GTVT để chỉ đạo các đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công thực hiện nghiêm túc các ý kiến của Hội đồng và xử lý triệt để những sai sót.

Trong quá trình thực hiện, các nhà thầu và ban quản lý dự án đã tuân thủ đầy đủ các khâu,

các bước của quy trình kỹ thuật, công tác thẩm tra thiết kế được thực hiện theo quy định, thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh sai sót, bố trí các văn phòng tư vấn giám sát tại hiện trường để đảm bảo công tác giám sát, thiết lập các phòng thí nghiệm hợp chuẩn tại hiện trường...

Sau khi nghe báo cáo của Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh, các ý kiến của tổ chuyên gia của Hội đồng, Thường trực Hội đồng, tư vấn giám sát QCI, Cục Quản lý đường bộ Việt Nam, Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng đã nhất trí chấp thuận nghiệm thu đoạn Thạch Quảng - Ngọc Hồi thuộc Dự án đường Hồ Chí Minh giai đoạn 1, xác nhận đảm bảo chất lượng theo các tiêu chuẩn hiện hành. Hội đồng sẽ không xem xét một số phạm vi, tuyến, hạng mục thuộc dự án chưa làm đúng thiết kế, hoặc đúng thiết kế nhưng vẫn tiềm ẩn những nguy cơ không đảm bảo về an toàn cho công trình, cho vận hành. Những điểm, những hạng mục và những vị trí chưa đảm bảo sẽ được đưa thành một phụ lục riêng, và Hội đồng sẽ kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao Chủ đầu tư là Bộ GTVT kiểm tra, điều chỉnh và chịu trách nhiệm.

Chủ tịch Hội đồng cũng lưu ý chủ đầu tư phải theo dõi chặt chẽ và có biện pháp xử lý kịp thời các điểm cầu có nguy cơ bị xói lở, các hạng mục như cột số, thiết bị phòng hộ trên tuyến chưa được thực hiện hoặc đã thực hiện nhưng có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn giao thông, đồng thời rút kinh nghiệm cho công tác thiết kế công trình trong các giai đoạn tiếp theo.

Bạch Minh Tuấn

Chương trình sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động xây dựng

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế của đất nước, tốc độ tăng trưởng của các đơn vị, doanh nghiệp nói riêng và của ngành Xây dựng nói chung đạt mức cao. Đi đôi với sự tăng trưởng sản xuất, mức tiêu thụ năng lượng và tài nguyên thiên nhiên trong các khu vực xây dựng ngày càng gia tăng và rất khó

kiểm soát. Theo số liệu nghiên cứu, hiện nay tổng năng lượng tiêu dùng trong khu vực xây dựng ước tính khoảng 20-24% tổng năng lượng quốc gia. Kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới đã cho thấy, nếu quản lý tốt khâu thiết kế xây dựng công trình theo hướng sử dụng năng lượng có hiệu quả sẽ tiết kiệm được từ 20 - 30%

năng lượng tiêu thụ trong khu vực này. Đối với các nguồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng và tiêu dùng của xã hội, việc gia tăng khai thác và sử dụng lãng phí đang làm suy giảm, cạn kiệt nguồn tài nguyên có hạn và gây ra những tác động xấu đến cảnh quan, môi trường.

Để nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, tháng 11/2005, Bộ Xây dựng đã ban hành Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam “Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng có hiệu quả”. Quy chuẩn này là văn bản pháp quy kỹ thuật, quy định yêu cầu kỹ thuật tối thiểu bắt buộc phải tuân thủ để sử dụng năng lượng có hiệu quả khi thiết kế xây dựng mới hoặc cải tạo các công trình thương mại, trụ sở cơ quan hành chính nhà nước, nhà ở cao tầng, văn phòng, khách sạn lớn có sử dụng điều hoà không khí, các thiết bị sử dụng nhiều năng lượng.

Ngành công nghiệp xây dựng Việt Nam đang đứng trước những cơ hội và thách thức trong quá trình hội nhập quốc tế. Vấn đề tiết kiệm và sử dụng có hiệu quả nguyên, nhiên liệu đầu vào và năng lượng sẽ có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc giảm giá thành và nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp. Để triển khai Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và thực hiện sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Xây dựng, Bộ Xây dựng đã biên soạn Chương trình sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả của ngành xây dựng. Chương trình được triển khai từ 2007 – 2010 và sẽ được nâng cấp mở rộng trong giai đoạn 2010 – 2020.

Chương trình sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả của ngành Xây dựng bao gồm các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức đối với tất cả các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành Xây dựng, triển khai các biện pháp khuyến khích, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật và phát triển công nghệ kỹ thuật xây dựng, thực hiện các chế tài

quản lý đồng bộ nhằm từng bước triển khai có hiệu quả việc sử dụng năng lượng, tài nguyên trong mọi lĩnh vực hoạt động của ngành Xây dựng, góp phần thực hiện chiến lược tiết kiệm năng lượng và tài nguyên quốc gia. Thông qua các hoạt động của Chương trình, từng bước giảm tỷ lệ thất thoát lãng phí, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp, cải thiện đời sống người lao động và bảo vệ môi trường.

Chương trình bao gồm 6 mục tiêu cụ thể như sau: Thứ nhất, nâng cao hiệu quả sử dụng, giảm mức tiêu thụ và thất thoát để đến năm 2010 phấn đấu tiết kiệm từ 5% đến 7% tổng mức tiêu thụ năng lượng trong toàn ngành, giảm tỷ lệ thất thoát và lãng phí trong việc cung cấp nước sạch xuống dưới mức 25% vào năm 2010 và giảm tỷ lệ thất thoát nguyên vật liệu xuống dưới 5% trong các hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh của các đơn vị cơ sở trong toàn ngành; Thứ hai, xây dựng và ban hành được các quy chuẩn, tiêu chuẩn, văn bản hướng dẫn, tài liệu tuyên truyền về sử dụng tiết kiệm năng lượng, nước sạch và các nguồn tài nguyên trong các hoạt động của ngành Xây dựng; Thứ 3, trình độ chuyên môn và kiến thức về tiết kiệm năng lượng của cán bộ và công chức trong toàn ngành được nâng cao thông qua việc phổ biến, tập huấn, đào tạo, tuyên truyền các nội dung của Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam “Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng có hiệu quả” và các văn bản có liên quan. Áp dụng và thực hiện các nội dung yêu cầu cần tuân thủ của Quy chuẩn trong các lĩnh vực của ngành; Thứ tư, nghiên cứu phát triển và chuyển giao được các công nghệ mới, ứng dụng các loại vật liệu mới, công nghệ mới tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm tài nguyên và thân thiện với môi trường trong các lĩnh vực của ngành. Thứ năm, xây dựng được và đưa vào hoạt động có nền nếp các mô hình quản lý và sử dụng tiết kiệm hiệu quả nguồn năng lượng, nước sạch trong các toà nhà để nhân rộng theo các giải pháp và phương thức quản lý. Thứ sáu, thành lập hai trung tâm tiết kiệm năng lượng

trong các đơn vị sự nghiệp hiện có của ngành để tham gia thực hiện công tác tư vấn, thiết kế, đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ về nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng và nguyên vật liệu.

Nội dung hoạt động của chương trình gồm 4 nhóm lớn, bao gồm: Nhóm I với tên gọi “Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các toà nhà cao tầng và thương mại” nhằm đưa Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam “Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng có hiệu quả” vào ứng dụng rộng rãi trong xây dựng. Nhóm II có nội dung nghiên cứu, xây dựng các hướng dẫn quy hoạch, thiết kế kiến trúc nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với mục tiêu rà soát đưa nội dung tiết kiệm và sử dụng năng lượng có hiệu quả vào trong các quy chuẩn, tiêu chuẩn quy phạm về quy hoạch đô thị và tiêu chuẩn thiết kế các công trình dân dụng và công nghiệp. Nội dung của nhóm III tập trung vào việc tái chế, tái sử dụng phế thải, khí thải. Theo đó, cần nghiên cứu lựa chọn, chuyển giao công nghệ và áp dụng các tiến bộ KHCN trong tận dụng nhiệt khí thải các nhà máy xi măng, nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng và tái sử

dụng, tái chế phế thải làm nguyên, nhiên liệu trong sản xuất vật liệu xây dựng. Nội dung của nhóm IV nhấn mạnh tới chương trình tiết kiệm nước. Chương trình đặt mục tiêu phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước trung bình trên toàn quốc xuống còn 25% vào năm 2010 và 15% vào năm 2015.

Các nội dung trên được giao cho các đơn vị sự nghiệp KHCN và các đơn vị trong ngành xây dựng triển khai thực hiện. Các đơn vị này phải xây dựng đề án cụ thể theo nội dung được phân công chủ trì nhằm thực hiện mục tiêu sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả và báo cáo định kỳ kết quả hoạt động lên lãnh đạo Bộ Xây dựng. Chương trình sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động xây dựng cũng đưa ra 3 giải pháp để việc thực hiện triển khai đạt hiệu quả cao, bao gồm giải pháp về tài chính, giải pháp về đầu tư khoa học công nghệ, đào tạo và giải pháp về hợp tác quốc tế. Thời gian thực hiện của Chương trình bắt đầu năm 2008 và kết thúc năm 2015.

Nguyễn Hồng Trang

Hội thảo ABB - Thuy Sĩ trong ngành công nghiệp xi măng

ABB là một tập đoàn lớn của Thụy Sĩ chuyên sản xuất và cung cấp các chủng loại thiết bị và hệ thống điện điều khiển cho các ngành công nghiệp trong đó có ngành công nghiệp xi măng.

Ngày 27/2/2008 tại Hà Nội Tổng công ty Xi măng Việt Nam đã phối hợp với Tập đoàn ABB tổ chức Hội thảo "Những phát triển của ABB - Thụy Sĩ trong ngành công nghiệp xi măng" để cập nhật và giới thiệu những phát triển của hãng với các nhà sản xuất xi măng Việt Nam.

Trong dây chuyền sản xuất xi măng các thiết bị điện và hệ thống điện điều khiển đóng vai trò rất quan trọng. ABB từ lâu đã là nhà

cung cấp truyền thống của ngành công nghiệp xi măng Việt Nam.

Tại Hội thảo các nhà quản lý, các nhà sản xuất xi măng Việt Nam và các chuyên gia của ABB Thụy Sĩ đã trao đổi kinh nghiệm về các thiết bị mới do ABB chế tạo cũng như việc ứng dụng các thiết bị của ABB trong ngành công nghiệp xi măng Việt Nam.

Những báo cáo đã được trình bày tại Hội thảo:

1. Giới thiệu ABB Việt Nam

ABB Thụy Sĩ là một Tập đoàn dẫn đầu về công nghệ điện và tự động hoá. ABB chiếm một thị phần quan trọng trên thị trường về 5 chủng

loại sản phẩm then chốt bao gồm: Các sản phẩm điện; các hệ thống điện; các sản phẩm tự động hoá; tự động hoá quá trình; rô bốt.

Năm 1993, ABB thành lập văn phòng đại diện tại Hà Nội, mở đầu cho sự có mặt của ABB và các sản phẩm ABB ở Việt Nam; năm 1994 - thành lập văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh và thành lập Cty liên doanh chế tạo máy biến áp phân phối; năm 1996 thành lập văn phòng đại diện tại Đà Nẵng; mở rộng Cty liên doanh chế tạo biến áp phân phối để có khả năng chế tạo máy biến áp động lực; năm 2002, chuyển đổi Cty liên doanh ABB thành công ty 100% vốn của ABB với tên gọi Cty ABB Việt Nam; năm 2004 - 2005 bộ phận chế tạo máy tăng áp kiểu tua bin được thành lập đồng thời ABB Việt Nam cũng bắt đầu triển khai chiến lược xuất khẩu sản phẩm được sản xuất tại các nhà máy ở Hà Nội.

Hiện nay ABB Việt Nam có 550 nhân công với các lĩnh vực hoạt động chủ yếu bao gồm: Tiếp thị và bán hàng; sản xuất; hỗ trợ kỹ thuật; cung cấp dịch vụ và đào tạo.

Đến nay ABB Việt Nam đã cung cấp nhiều sản phẩm và dịch vụ cho các dự án ở Việt Nam như: Cung cấp biến áp động lực cho dự án Lọc dầu Dung Quất, thiết bị điện và giải pháp công nghệ cho Nhiệt điện Uông Bí, Trạm biến áp 500 KV Tân Định, trạm điện trong nhà và giải pháp công nghệ dưới hình thức cung cấp trọn gói hệ thống điện, camera giám sát, hệ thống điều hành cho đường hầm Hải Vân.

Ngoài ra ABB Việt Nam còn tham gia nhiều dự án xi măng ở nước ta dưới hình thức tham gia tại chỗ, tham gia từng phần hoặc hỗ trợ thiết bị với chi phí thấp tại các dự án xi măng: Holcim Hòn Chông, Sông Gianh, Thái Nguyên, Cẩm Phả, Thăng Long, Bình Phước, Hà Tiên 1 và Hà Tiên 2.

Sản xuất loại xi măng phù hợp có chất lượng cao, đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cải tiến quá trình điều khiển sản xuất và việc quản lý thông tin một cách hiệu quả nhằm giảm chi phí sản xuất là những yêu cầu mà hầu như tất cả các nhà sản xuất xi măng trên thế

giới đều đang cần phải đáp ứng trong những năm đầu của thế kỷ 21. ABB giúp các nhà sản xuất xi măng đối đầu với những thách thức mới đó thông qua việc cung cấp các hệ thống tự động hoá và các hệ thống điện mới giúp họ cải thiện việc điều khiển quá trình sản xuất và tích hợp các thiết bị trong nhà máy xi măng. Các sản phẩm và dịch vụ của ABB giúp cải thiện quy trình sản xuất và đạt được các tiêu chuẩn sản xuất tối ưu. Hệ thống tự động hoá có tác dụng giảm thiểu tiêu thụ nguyên liệu và năng lượng.

2. Nâng cấp và hiện đại hoá hệ thống tự động hoá trong nhà máy xi măng

Sau một thời gian hoạt động để đáp ứng được các yêu cầu ngày càng cao hơn trong sản xuất xi măng, hệ thống tự động hoá của nhà máy xi măng cần phải được nâng cấp hoặc hiện đại hoá. Trước nhu cầu đó, ABB đề xuất giải pháp nâng cấp/hiện đại hoá hệ thống tự động hoá bằng việc đưa ra lộ trình cho việc nâng cấp/hiện đại hoá hệ thống tự động hoá phù hợp với điều kiện sản xuất.

Từ năm 1984 đến nay, hệ thống tự động hoá trong nhà máy xi măng được nâng cấp/hiện đại hoá từng bước theo lộ trình: Từ hệ thống Master (năm 1984) lên hệ thống Advant vào năm 1994, sau đó nâng cấp lên hệ thống Industrial IT vào năm 2000 và hệ thống 800xA vào năm 2004. Quá trình này được thực hiện qua nhiều giai đoạn như: Nâng cấp từ hệ thống Advant lên hệ thống Industrial IT với việc sử dụng lại S400 I/O trong AC 800M, thay thế S400 I/O bằng S800 I/O, nâng cấp từ AS500OS lên 800xA, nâng cấp AC400 lên 800xA giữ lại S400 I/O, nâng cấp AC400 lên 800xA thay thế S400 I/O (thay từng phần).

Báo cáo giới thiệu những lợi ích thu được trong từng giai đoạn nâng cấp nêu trên.

3. Các thao tác khởi động bộ truyền động hay động cơ mà không gây ra sự cố

Trong các nhà máy xi măng thường sử dụng nhiều loại truyền động và động cơ với nhiều công suất khác nhau. Việc khởi động động cơ có thể gây ra các sự cố mà chủ yếu do sự vận

hành chưa đúng quy tắc hay do thiết kế thiết bị hoặc do phần điện. Trong quá trình vận hành, sự cố xảy ra do khởi động lại động cơ sau khi động cơ bị quá tải (mô men khởi động cao). Đối với trường hợp do thiết kế thì do khởi động động cơ không đồng bộ với cáp dài, do khởi động trực tuyến (khởi động DOL) với động cơ không đồng bộ rô to kiểu lồng sóc có tải trọng quán tính cao hoặc khởi động với mô men khởi động của lò quay có giá trị lớn. Nguyên nhân do phần điện là sụt áp của lưới điện, do khởi động các động cơ nặng hoặc do khởi động trực tuyến đối với động cơ nặng.

Báo cáo phân tích các nguyên nhân thường gây ra sự cố khi khởi động các loại bộ truyền động và động cơ như: Động cơ không đồng bộ rô to kiểu lồng sóc, động cơ không đồng bộ rô to kiểu dây quấn, động cơ biến tần và đưa ra các giải pháp nhằm phòng tránh sự cố. Báo cáo cũng nêu ra yêu cầu kiểm tra đối với các loại thiết bị trong nhà máy xi măng như: Quạt thông gió, máy bơm, máy đập, máy nghiền, băng chuyền, lò quay,... để tránh xảy ra các sự cố trong quá trình khởi động.

4. Bộ lọc sóng hài và bù hệ số công suất trong nhà máy xi măng

Việc sử dụng động cơ và bộ truyền động có vận tốc thay đổi trong các nhà máy xi măng thường làm nảy sinh một lượng sóng hài nhất định, trong đó với những giá trị điện áp khác nhau thì tổng hàm lượng sóng hài do động cơ hoặc bộ truyền động sinh ra cũng khác nhau. Lượng sóng hài cần được điều chỉnh trên cơ sở các giá trị phụ tải của hệ thống thiết bị trong nhà máy xi măng đồng thời cần xác định giới hạn sóng hài để không ảnh hưởng đến công suất của nhà máy.

Ngoài sóng hài, hệ số công suất của nhà máy xi măng cũng là một vấn đề cần được quan tâm thích đáng. Sự giảm hệ số công suất của các thiết bị gây hậu quả tiêu cực cho việc đạt được hiệu quả kinh tế của sản xuất xi măng.

Vì vậy, áp dụng biện pháp bù hệ số công suất và sử dụng các bộ lọc sóng hài phù hợp là những yếu tố quan trọng góp phần bảo đảm

hiệu quả kinh tế cho sản xuất xi măng.

ABB giới thiệu giải pháp tối ưu tích hợp các bộ lọc sóng hài và giải pháp bù hệ số công suất cho kết quả tối ưu nhất trong các nhà máy xi măng.

5. Giải pháp tối ưu hoá chuyên gia và quản lý dựa trên tri thức

Giải pháp tối ưu hoá chuyên gia do ABB đề xuất và được giới thiệu tại Hội thảo là sự điều khiển dựa trên cơ sở phán đoán mô hình. Nội dung của giải pháp là sử dụng mô hình để phán đoán các biến cố có thể xảy ra và đưa ra các giải pháp khắc phục nhằm bảo đảm đặc tính ổn định cho công nghệ.

ABB đã giới thiệu những hiệu quả thu được từ việc ứng dụng hệ thống tối ưu hoá chuyên gia trong các khâu của quy trình sản xuất xi măng như: Lò quay, máy nghiền, phối trộn nguyên liệu thô, lựa chọn nhiên liệu hợp lý.

Quản lý dựa trên tri thức theo khái niệm của ABB là sự quản lý thông tin sản xuất, theo đó mỗi công đoạn trong dây chuyền sản xuất xi măng đều cung cấp những thông tin nhất định. Hệ thống quản lý thông tin có nhiệm vụ thu thập tất cả các thông tin trên tất cả các công đoạn của dây chuyền sản xuất để từ đó xác định trạng thái hoạt động hiện tại của toàn bộ dây chuyền và đưa ra các quyết định xử lý những vấn đề nảy sinh một cách kịp thời và nhanh chóng.

6. Phân tích trực tuyến với thiết bị ABB SpectraFlow CM100

ABB giới thiệu nguyên tắc hoạt động và các ưu điểm của thiết bị phân tích trực tuyến do ABB chế tạo sử dụng để phân tích nguyên liệu rời. Thiết bị hoạt động trên cơ sở công nghệ SOLBAS với những ưu điểm như: Không sử dụng các nguồn phát xạ có khả năng gây nguy hiểm cho người sử dụng như: Nguồn phóng xạ, tia notrôn hoặc tia X; cấu tạo đơn giản; hoạt động an toàn; việc phân tích được thực hiện trực tuyến, theo thời gian thực; hoạt động hoàn toàn tự động; thiết bị được kết nối với bộ vi xử lý các kết quả phân tích.

Hiện nay thiết bị được ứng dụng rộng rãi

trong phân tích nguyên liệu rời trong các dây chuyền sản xuất xi măng. Thiết bị thường được lắp đặt phía trên băng chuyền chở nguyên liệu rời mà không đòi hỏi phải sửa đổi hoặc gia cố kết cấu hiện có của băng chuyền.

SpectraFlow CM 100 thường được sử dụng cho việc phân tích trực tuyến trong các khâu: Định lượng và phối trộn nguyên liệu, phối trộn vật liệu trong nhà kho, sàng loại nguyên liệu.

Các nhà quản lý và các nhà sản xuất xi măng nước ta đã cuộc trao đổi kinh nghiệm bổ ích với các đồng nghiệp đến từ Thụy Sĩ nhằm ứng dụng một cách hiệu quả những công nghệ và thiết bị mới của Thụy Sĩ trong ngành công nghiệp xi măng Việt Nam.

Huỳnh Phước

Quy hoạch chi tiết xây dựng các cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Đà Nẵng và Chu Lai

Cảng hàng không quốc tế (CHKQT) Nội Bài hiện nay là một CHK quân dân sự dùng chung, cách trung tâm thủ đô Hà Nội 22 km theo đường chim bay. Cùng với các yếu tố giao thông đường bộ rất thuận lợi, CHKQT Nội Bài đóng vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng của khu vực thủ đô Hà Nội, miền Bắc Việt Nam và cả nước.

Ngày 04/4/1994 Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định số 152/TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể CHKQT Nội Bài làm căn cứ pháp lý cho công tác đầu tư xây dựng, bảo đảm cho CHK đáp ứng nhu cầu vận chuyển theo dự báo cho năm 2010 và phác thảo viễn cảnh sau năm 2010.

Hiện tại, CHKQT Nội Bài đã có nhiều thay đổi về hiện trạng so với thời điểm lập quy hoạch tổng thể năm 1994 như các công trình thuộc khu bay, công trình kiến trúc, hiện trạng khai thác,...; Quy hoạch chung thành phố Hà Nội cũng đã có nhiều thay đổi, đặc biệt có ảnh hưởng đến công tác dự báo khai thác CHKQT, cũng như điều kiện, nhu cầu sử dụng đất đai ngày càng tăng dần của CHK. Vì vậy, việc nghiên cứu điều chỉnh Quy hoạch tổng thể CHKQT Nội Bài giai đoạn đến 2020 và định hướng sau 2020 là rất cần thiết, vừa phù hợp với dây chuyền công nghệ, công suất dự báo của CHK, phù hợp với sự phát triển của đất nước nói chung, của ngành Hàng không nói riêng, vừa bám sát Quy hoạch tổng thể 152/TTg đã được phê duyệt.

Đồ án điều chỉnh Quy hoạch tổng thể đã cập nhật lại toàn bộ hiện trạng cơ sở vật chất của CHKQT Nội Bài, những thay đổi vốn thường xuyên xảy ra kể từ khi có Quyết định 152/TTg năm 1994 đến nay. Công tác dự báo nhu cầu vận chuyển đã được thực hiện dựa trên những cơ sở luận chứng đầy đủ và vững chắc. Phương pháp dự báo nhu cầu vận chuyển của CHKQT là phương pháp ngoại suy xu thế kết hợp với xét đoán chuyên gia có đối chứng với tăng trưởng GDP.

Cơ sở vật chất hiện có của CHKQT Nội Bài đã được đánh giá một cách tổng thể và thực tiễn khuyến cáo. Đối với giai đoạn trung hạn mục đích được ưu tiên nhất là: Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể khu vực phía Tây Bắc, là nơi dự kiến xây dựng nhà ga T2, sân đỗ máy bay và nhà khách VIP; đồng thời dự kiến quy hoạch tuyến đường sắt kết nối và các nhà ga đường sắt tại CHK.

Giai đoạn phát triển lớn tiếp theo của CHKQT Nội Bài cần hướng tới công suất 15 triệu hành khách/năm vào năm 2020. Giai đoạn phát triển dài hạn và sau dài hạn cần định hướng tới công suất 25 triệu và 50 triệu hành khách/năm.

Vị trí của nhà ga hành khách T2 được xây mới sẽ cách nhà ga T1 khoảng 1.250 m cho phép mở rộng nhà ga T1 về phía Tây để nâng công suất lên 10 triệu hành khách/năm tại một thời điểm thích hợp.

Công suất tối đa của nhà ga T2 cần được

nghiên cứu phát triển là 15 triệu hành khách/năm; nhà ga T2 nên là nhà ga hành khách quốc tế còn nhà ga T1 tốt nhất là nhà ga hành khách nội địa sau khi xây xong nhà ga T2.

CHKQT Nội Bài nhất thiết phải có tuyến đường sắt kết nối hoặc một tuyến đường sắt dành riêng tới CHK.

Quy hoạch CHKQT Nội Bài cần được xem xét lại sau mỗi kỳ 5 năm để cập nhật các thay đổi thường xuyên xảy ra.

Một số kết quả đạt được của điều chỉnh quy hoạch tổng thể giai đoạn phát triển trung hạn (đến năm 2020 với dung lượng vận chuyển cần đạt được là 15 triệu hành khách/năm) như sau: Lượng hành khách hàng năm: Quốc tế - 7,984 triệu hành khách/năm và nội địa - 7,265 triệu hành khách/năm; máy bay lớn nhất khai thác - A 380; sân đỗ máy bay: Mở rộng sân đỗ về phía Tây để đáp ứng nhu cầu vận chuyển và điều chỉnh sân đỗ phía Đông để đảm bảo chiều sâu; Nhà ga: Có thêm nhà ga T2 cho hành khách quốc tế, nhà ga T1 được chuyển thành nội địa; nhà ga hành khách quốc tế có diện tích 102.000m² và nhà ga hành khách nội địa - 48.000m²; xây dựng nhà ga hàng hoá mới dành cho đường bay quốc tế với diện tích 17.000m² và dành cho đường bay nội địa - 4.000m²; xây dựng nhà ga VIP mới; cấp độ của ICAO - 10; xây dựng đài kiểm soát không lưu mới cao 88 m vị trí phù hợp cho cả giai đoạn phát triển; đường ô tô đi qua CHK sẽ là đường 8 làn xe cho cả 2 chiều; bố trí phù hợp tuyến đường sắt kết nối CHK; đã nghiên cứu và bố trí chi tiết kết nối giao thông giữa các nhà ga với nhau và với đường ô tô chính.

Đối với giai đoạn phát triển dài hạn và sau dài hạn, đồ án điều chỉnh đã nghiên cứu một cách tổng thể cho sự phát triển CHKQT về phía Nam, theo đó đường cất hạ cánh 2A là đường cất hạ cánh chính cho khu vực phía Nam đủ khả năng tiếp nhận máy bay thương mại loại F (loại lớn nhất hiện nay) theo tiêu chuẩn ICAO. Đồng thời CHK phía Nam cũng được bố trí đầy đủ hệ thống khu bay và các công trình cơ sở vật chất cơ bản của một CHK đạt cấp 4F theo ICAO.

Thời điểm khuyến nghị phát triển CHK về phía Nam không còn xa. Cụm CHK miền Bắc và các cơ quan chức năng cần quan tâm phù hợp đối với chiến lược này nhằm giảm thiểu những khó khăn cản trở trong điều kiện tốc độ đô thị hoá đang diễn ra ngày càng nhanh.

Nằm ở vùng duyên hải Nam - Trung Bộ, một trong những trung tâm kinh tế của đất nước, CHKQT Đà Nẵng đóng một vai trò quan trọng cả về kinh tế lẫn quốc phòng. CHKQT Đà Nẵng chính là cầu nối giữa Đà Nẵng và các trung tâm kinh tế khác của cả nước như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Nha Trang, Hải Phòng,... đầu mối trung chuyển quá cảnh và lưu thông hàng hoá - dịch vụ vận chuyển của miền Trung - Tây Nguyên. Cùng với hệ thống cảng biển đang được cải tạo mở rộng, đường quốc lộ đang được nâng cấp là những ưu thế sẵn có, sự hoạt động tốt của CHKQT Đà Nẵng sẽ góp phần không nhỏ trong những bước phát triển tiếp theo của thành phố Đà Nẵng trong thời gian tới.

CHKQT Đà Nẵng là một CHK lớn tại khu vực miền Trung, nhưng do thời gian xây dựng đã lâu nên đến nay đang ngày càng xuống cấp. Do đó, để CHK hoạt động tốt và có hiệu quả, CHKQT Đà Nẵng cần phải được quy hoạch một cách tổng thể. Quy mô CHK cần được nghiên cứu điều chỉnh nhằm khai thác các loại máy bay hiện đại. Kết cấu các công trình hiện có cần phải được nghiên cứu tận dụng hoặc tăng cường. Các khu vực cũng phải được nghiên cứu bố trí một cách hợp lý, phù hợp với nhu cầu hiện tại và tương lai.

Quy hoạch chi tiết CHKQT Đà Nẵng bao gồm quy hoạch các khu chức năng và quy hoạch chi tiết các công trình chính theo từng giai đoạn, làm cơ sở để từng bước đầu tư xây dựng CHK một cách hợp lý, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu phục vụ cho phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh chính trị tại khu vực.

Quy hoạch chi tiết CHKQT Đà Nẵng giai đoạn đến năm 2015 và định hướng phát triển đến năm 2025 là quy hoạch có tính kế thừa, bổ sung, điều chỉnh và thay thế cho Quy hoạch đã được thực hiện trước đây.

Quy hoạch CHKQT Đà Nẵng giải quyết 4

nhệm vụ chính sau:

1. Quy hoạch không gian và đất đai của CHK trong giai đoạn đến năm 2015 và định hướng phát triển đến 2025;

2. Trên cơ sở không gian và đất đai đã được hoạch định, quy hoạch mặt bằng tổng thể CHK giai đoạn đến năm 2015 và định hướng phát triển đến năm 2025;

3. Quy hoạch các khu chức năng và các công trình chủ yếu của CHK: Vị trí, quy mô và năng lực của các công trình chính – khu bay, khu vực nhà ga, sân đỗ và khu vực phục vụ kỹ thuật, thương mại, quản lý của hàng không dân dụng,...

4. Ước toán đầu tư theo nhu cầu phát triển CHK, kèm theo phân kỳ tổng quát xây dựng và phát triển CHK.

Đồ án quy hoạch CHKQT Đà Nẵng được thực hiện theo các tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành hàng không được ICAO khuyến nghị áp dụng và các tiêu chuẩn liên quan khác. Đồ án quy hoạch CHKQT Đà Nẵng phù hợp với quy hoạch phát triển mạng sân bay toàn quốc đã được Chính phủ phê duyệt năm 1997 và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng. CHKQT Đà Nẵng được đầu tư xây dựng mở rộng góp phần đảm bảo an ninh - quốc phòng của khu vực miền Trung và của đất nước.

CHK Chu Lai là sân bay dùng chung, hiện do Không quân Việt Nam quản lý. Những năm gần đây, CHK Chu Lai đã được đầu tư xây dựng một số công trình cơ bản phục vụ các hoạt động hàng không dân dụng: Đường vào CHK, nhà ga hàng không dân dụng và các công trình kỹ thuật, phụ trợ, sửa chữa khôi phục đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ máy bay.

Tuy nhiên để đáp ứng nhu cầu và kỳ vọng của hiện tại cũng như tương lai, CHK Chu Lai cần phải được quy hoạch một cách tổng thể để từng bước trở thành một CHK hiện đại, hoàn chỉnh, đạt tầm cỡ quốc tế: Quy mô cần được mở rộng, kết cấu công trình cần phải cải tạo, tăng cường và mở rộng thêm, phân chia rõ khu vực

và bố trí lại các công trình phục vụ hoạt động của CHK cho phù hợp với vai trò và chức năng của một CHK quốc tế.

Quy hoạch này bao gồm Quy hoạch chung các khu chức năng và quy hoạch các công trình chính theo từng giai đoạn làm cơ sở để từng bước đầu tư xây dựng CHK một cách hợp lý, hiệu quả đáp ứng nhu cầu phục vụ cho phát triển kinh tế và bảo đảm an ninh chính trị tại khu vực.

Quy hoạch CHK quốc tế Chu Lai cần giải quyết 4 nhiệm vụ sau:

- Quy hoạch không gian và đất đai của CHK trong giai đoạn 2015 – 2025;

- Trên cơ sở đó, quy hoạch mặt bằng tổng thể CHK giai đoạn đến 2015 – 2025;

- Quy hoạch các khu chức năng và các công trình chủ yếu của CHK: Vị trí, quy mô và năng lực của các công trình chính – khu bay, nhà ga, sân đỗ, khu hàng không dân dụng,....;

- Ước toán đầu tư và phân kỳ đầu tư theo nhu cầu phát triển CHK;

Từ chức năng nhiệm vụ của CHK, căn cứ vào số liệu dự báo lượng trung chuyển hàng hoá, vận chuyển hành khách trong các giai đoạn quy hoạch, diện tích đất hiện có của CHK cũng như khả năng mở rộng, CHK Chu Lai được quy hoạch một cách hợp lý, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu khai thác theo từng giai đoạn quy hoạch, phù hợp với chiến lược phát triển đã đặt ra với CHK Chu Lai.

Với quan điểm đầu tư hiệu quả, lịch trình đầu tư phát triển CHK cần được đặt ra như sau: Giai đoạn đến 2015: Đầu tư hoàn chỉnh khu bay phía Đông. Trong thời gian xây dựng khu bay phía Đông, khu bay hiện nay vẫn đảm bảo khai thác sử dụng bình thường. Giai đoạn định hướng đến 2025, khi lưu lượng trung chuyển hàng hoá, vận chuyển hành khách tăng lên, sẽ thực hiện đầu tư xây dựng hoàn chỉnh khu bay phía Tây. Như vậy, CHK sẽ được khai thác, sử dụng một cách liên tục trong suốt thời kỳ xây dựng và phát triển.

Huỳnh Phước

Ứng dụng công nghệ nano trong sản xuất bê tông

Nghiên cứu công nghệ nano được thực hiện từ nhiều năm nay ở Bêlorutxia. Chương trình tổng hợp quốc gia định hướng nghiên cứu khoa học cơ bản cho giai đoạn 2006 - 2010 với tên gọi “Vật liệu nano và công nghệ nano” đã được thông qua. Chương trình chia ra 6 lĩnh vực nghiên cứu, bao gồm: ống nano cacbon và hạt nano cacbon; Vật liệu nano siêu cứng và chịu lửa; Vật liệu nano có từ tính; Điện tử học nano và các hệ thống vi mô; Vật liệu nano compozit và cơ sở vật lý - công nghệ của các hệ thống có cấu trúc kích thước nano. Nội dung cơ bản của tài liệu nêu trên bao gồm: Các nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu khoa học - kỹ thuật; đào tạo phương pháp làm việc với vật liệu cấp nano; việc quản lý các quy trình sản xuất và việc sản xuất vật liệu nano có các đặc tính cho trước. Sau đây là một số kết quả nghiên cứu ứng dụng công nghệ nano trong sản xuất bê tông được thực hiện tại Bêlorutxia.

Bê tông là lĩnh vực lý tưởng cho việc ứng dụng công nghệ nano. Các hạt vật chất kích thước từ 10 đến 100 nanômet hoặc khoảng 0,1 micromet là những phụ gia khoáng cho xi măng rất hiệu quả giúp nâng cao độ đầm chặt của bê tông - một loại VLXD cơ bản của ngành xây dựng. Việc sử dụng phụ gia nano đảm bảo hiệu quả cao nhất cho bê tông.

Để chế tạo được bê tông có các đặc tính khai thác tốt hơn, Viện Nghiên cứu trao đổi nhiệt và trao đổi chất thuộc Viện Hàn lâm khoa học quốc gia Bêlorutxia đã phối hợp với Bộ môn “Vật liệu và cấu kiện xây dựng” thuộc Trường đại học kỹ thuật quốc gia Bêlorutxia tiến hành các nghiên cứu khoa học với chủ đề “Chế tạo bê tông thế hệ mới có các đặc tính được cải thiện bằng vật liệu các bon”.

Cho đến thời gian gần đây, vẫn chưa xuất hiện sự cần thiết ứng dụng các công nghệ mới vì gần 90% tổng khối lượng bê tông sản xuất ra có cường độ không quá 30 Mpa do đó chỉ cần

sản xuất loại bê tông truyền thống (với thành phần gồm xi măng, cát, sỏi và nước) trong đó xi măng thuộc loại thông thường còn cốt liệu thì chỉ cần thoả mãn các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia (GOST). Cường độ của các loại bê tông thông thường được bảo đảm thông qua khống chế lượng xi măng sử dụng, tỷ lệ nước - xi măng và sự lựa chọn hợp lý tỷ lệ các loại cốt liệu. Những năm gần đây, cách tiếp cận về trộn và công năng của vữa bê tông đã thay đổi. Để trộn vữa bê tông mác B25 hoặc cao hơn người ta thường sử dụng loại vữa bê tông nhiều thành phần trong đó ngoài xi măng và cốt liệu còn cho thêm nhiều loại phụ gia khoáng hoá hoạt tính khác như: Phụ gia dẻo, phụ gia đẩy nhanh đông cứng, phụ gia hút khí và các loại phụ gia khác nữa.

Các kết quả nghiên cứu gần đây của Phòng thí nghiệm của Viện cho thấy sử dụng hạt nano cacbon làm phụ gia nhằm cải thiện đặc tính cho bê tông đã có triển vọng rõ rệt. Việc cho phụ gia hạt mịn phân tán vào vữa bê tông sẽ làm thay đổi năng lượng tương tác trên bề mặt phân cách các pha qua đó cải thiện đáng kể cấu trúc đá xi măng và các khu vực tiếp xúc giữa xi măng và cốt liệu.

Các hạt nano cacbon được sử dụng làm phụ gia cải thiện đặc tính bê tông do chúng có hàng loạt tính chất vật lý đặc biệt. Vì vậy, các nước trên thế giới đang tiến hành các nghiên cứu nhằm sử dụng chúng làm phụ gia trong tổng hợp chất dẻo, cao su để sử dụng vào việc sản xuất vật liệu tổng hợp (compozit) mới. Khi được cho vào vữa bê tông có sử dụng chất kết dính xi măng, các hạt nano cacbon góp phần cải thiện đáng kể các đặc tính cơ - lý của bê tông như: Tăng cường độ, tạo ra tính nhót va đập qua đó làm tăng năng lượng cần cho sự phá huỷ bê tông. Các hạt nano cacbon đem lại cho đá xi măng và bê tông những đặc tính mới đồng thời nâng cao đáng kể chất lượng của các

đặc tính hiện có. Ngoài ra phải kể đến một công năng rất đặc biệt của hạt nano các bon theo đó công đoạn nghiền clinke (loại nguyên liệu sử dụng cho việc sản xuất xi măng) thường tiêu thụ một lượng lớn năng lượng cần cho việc sản xuất xi măng trong khi đó việc sử dụng hạt nano các bon làm phụ gia lại có khả năng giảm đáng kể thời gian nghiền clinke.

Một khi chất lượng của các đặc tính cơ - lý của bê tông và đá xi măng được nâng cao thì sự tăng cường độ của vật liệu tổng hợp (compozit) không bị phụ thuộc vào tính hoạt động của chất kết dính được sử dụng mà thông thường sự tăng cường độ này đạt khoảng 10 - 15 Mpa đối với bê tông và khoảng 0,5 - 1 Mpa đối với đá xi măng. Đối với bê tông mác thấp sử dụng cốt liệu nhỏ cường độ tăng gần gấp 2 lần còn với bê tông mác cao cường độ tăng 20% - 30%. Kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của phụ gia nano các bon lên các tính chất của xi măng cho thấy sử dụng phụ gia nano các bon làm tăng cường độ đá xi măng thêm 20% trong độ tuổi thiết kế và lượng phụ gia hợp lý bằng 0,05% của khối lượng xi măng. Sử dụng phụ gia nano làm tăng hiệu quả tác dụng của chất đẩy nhanh sự đông cứng nhưng không tăng cường tác dụng của phụ gia hoá dẻo. Kết quả nghiên cứu còn cho thấy việc sử dụng phụ gia nano ở dạng bột sẽ gặp khó khăn do phụ gia thường không phân bố được đồng đều trong toàn bộ khối lượng vữa xi măng và với vữa bê tông thì còn khó khăn hơn. Vì vậy, cần thử nghiệm các hình thức sử dụng phụ gia khác ví dụ phụ gia dưới dạng chất phân tán.

Trên thế giới hiện nay việc tổng hợp vật liệu nano các bon được thực hiện thông qua nhiều

phương pháp khác nhau, như: Sử dụng hồ quang điện, làm bay hơi bằng la de hoặc bằng năng lượng mặt trời, nhiệt phân hoặc kết tủa hơi bằng phương pháp hoá học. Tại phòng thí nghiệm của Viện (các thí nghiệm đều được tiến hành tại phòng thí nghiệm bê tông phối hợp với Bộ môn Vật liệu và cấu kiện xây dựng Trường đại học kỹ thuật quốc gia Bêlorutxia) vật liệu nano trên được tổng hợp thông qua việc phóng điện bằng plazma khí vào hỗn hợp không khí trộn với các bua hydrô. Đây là một phương pháp phổ biến bởi nguồn các bua hydrô có thể là khí thiên nhiên hoặc khí hoá lỏng, các bua hydrô dạng lỏng như cồn, dầu hoả,... Giá thành khoảng 0,5 đô la/gam sản phẩm.

Giảm giá thành sản phẩm đang là một vấn đề rất cấp thiết. Viện đang nghiên cứu theo hướng trên, tìm kiếm các phương pháp tiếp cận công nghệ mới tổng hợp vật liệu, các phương pháp làm sạch và phương pháp đưa phụ gia vào các loại bê tông khác nhau.

Việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tế đã được đưa vào các kế hoạch mới nhất, trong đó có Dự án Nâng cao cường độ bê tông do Công ty "Zabudov" thực hiện. Loại phụ gia nano các bon phân tán mịn với đường kính đặc trưng của sợi nano bằng 50 - 100 nm là niềm hy vọng đặc biệt cho việc điều tiết các đặc tính của bê tông. Mặc dù nói đến sự hình thành của nền công nghiệp nano vẫn còn quá sớm, hy vọng rằng trong tương lai gần việc ứng dụng vật liệu có chứa nano các bon vào sản xuất vật liệu xây dựng tổng hợp (compozit) có các đặc tính đặc biệt sẽ được đẩy nhanh một cách đáng kể.

Huỳnh Phước

Khu công nghiệp Yên Phong thu hút nhiều nhà đầu tư Hàn Quốc



Ngày 6/3/2008, tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh đã tổ chức Lễ trao giấy phép đầu tư cho 7 nhà đầu tư của Hàn Quốc thực hiện dự án xây dựng nhà máy sản xuất các sản phẩm cơ khí chính xác, phụ kiện điện tử... với tổng số vốn đăng ký lên đến gần 1.000 tỷ đồng. Khi nhà máy đi vào hoạt động sẽ tạo việc làm cho khoảng 2.000 lao động của tỉnh và các vùng lân cận, đóng góp cho ngân sách Nhà nước dự kiến khoảng 7.000 tỷ đồng mỗi năm.

Cũng tại buổi Lễ trao giấy phép đầu tư, đại diện 7 công ty của Hàn Quốc bao gồm Alpha, Em-Tech, Flexcom, Samy oung, Deoaho, Séhin, Seounl Metal đã ký kết với công ty Viglacera Land về việc thuê 2500m² đất tại khu công nghiệp Yên Phong để triển khai xây dựng nhà máy.

Với diện tích quy hoạch 840,73 ha (trong đó diện tích khu công nghiệp là 640,73 ha, khu đô thị là 200ha), tổng vốn đầu tư 1.200 tỷ đồng,

khu công nghiệp Yên Phong do Viglacera Land làm chủ đầu tư có vị trí thuận lợi, hội tụ đầy đủ các yếu tố hấp dẫn các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Ông Jeong Seung Kiu đại diện 7 công ty Hàn Quốc đầu tư tại khu công nghiệp Yên Phong cho biết “khu công nghiệp được quy hoạch đồng bộ, hiện đại từ hạ tầng kỹ thuật như hệ thống giao thông, điện nước, thông tin liên lạc... đến hạ tầng xã hội cùng môi trường đầu tư thông thoáng của tỉnh Bắc Ninh đã hấp dẫn chúng tôi”. Hiện nay, Hàn Quốc đứng thứ 3 trong danh sách Top 10 nhà đầu tư có vốn đầu tư lớn vào tỉnh Bắc Ninh.

Hiện nay, Viglacera Land đang triển khai 3 dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp và đô thị tại tỉnh Bắc Ninh trong đó các vấn đề hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, vấn đề môi trường đã được nhà đầu tư quan tâm, khu công nghiệp Yên Phong là một điển hình.



Thanh Huyền

Hội thảo "Vật liệu xây dựng tăng giá, nguy cơ phá sản của nhà thầu"

Vật liệu xây dựng tăng giá chóng mặt, có những mặt hàng tăng giá gần gấp 3 lần khiến nhiều nhà thầu thực hiện các dự án xây dựng có nguy cơ phá sản vì ký hợp đồng trọn gói không

được điều chỉnh giá. Ngay cả các hợp đồng có điều khoản điều chỉnh giá, nhà thầu cũng vừa làm vừa run vì chẳng biết có được thanh toán hay không?

Càng làm càng lỗ và nguy cơ phá sản nhãn tiền là thông điệp mà hầu hết các nhà thầu có mặt đã đưa ra tại hội thảo "Vật liệu xây dựng tăng giá, nguy cơ phá sản của nhà thầu" do Hiệp hội Nhà thầu Việt Nam tổ chức trong ngày 18.3 tại Hà Nội.

Tại hội thảo, Ông Vũ Khoa - Chủ tịch Hiệp hội Nhà thầu Việt Nam đã cảnh báo: Đối với các công trình đấu thầu trọn gói, nếu không được điều chỉnh giá, thì nhà thầu cầm chắc thua lỗ, nhất là những công trình nhận thầu từ vài năm trước.

Nhà thầu không thể lường trước được sự biến động giá với biên độ lớn như vậy, cho nên, dù có tính toán hệ số trượt giá thì cũng không đủ bù đắp. Vì vậy, để giảm lỗ, họ đành lấy từ chất lượng như thay đổi chủng loại vật liệu rẻ tiền hơn, giảm bớt vật liệu... Đây là cách làm vi phạm quy trình xây dựng và tiềm ẩn nguy cơ kém chất lượng, xuống cấp nhanh công trình.

Trong năm vừa qua, giá nguyên vật liệu thực sự đã có những biến động ngoài dự tính của tất cả các nhà thầu và chủ đầu tư. Chỉ tính từ tháng 10/2007, sắt thép, xi măng, gạch, đá, cát... đều tăng giá.

Tăng mạnh nhất là sắt thép với mức tăng xấp xỉ 55%, từ 10.500 đ/kg vọt lên 16.000 đ/kg, gạch thẻ, gạch ống với mức tăng xấp xỉ 100%, từ 500 - 550 đ/viên vọt lên 1.100 đ/viên, xi măng tăng 30.000 đ/tấn...

Với mức tăng này, giá trị thực tế của công trình có dự toán được lập thời điểm giữa năm 2007 đã tăng ít nhất 20%. Đây là sự khó khăn lớn với các nhà thầu.

Theo Tiến sĩ Dương Văn Cận, Viện trưởng Viện kinh tế xây dựng, thông thường cơ cấu vật liệu chiếm 60 - 80% giá thành xây dựng nên khi giá vật liệu chỉ tăng 1% thôi là đã làm ảnh hưởng đáng kể đến sự tăng giá thành xây dựng. Với mức trượt giá tới 20% thì nguy cơ các nhà thầu phá sản là hoàn toàn có thể xảy ra.

Tại hội thảo, ông Nguyễn Thành Phương, Phó TGĐ Tổng Công ty CP Vinaconex cho biết:

"Mặc dù mức giá trong dự toán phê duyệt đã được dựa trên những phân tích, dự báo sự biến động giá cả trong thời gian thi công. Nhưng với những tác động của thị trường cả trong và ngoài nước, sự biến động của giá cả rất khó dự báo, nhất là trong một khoảng thời gian dài.

Trong khi đó, chi phí trực tiếp nguyên, vật liệu của một công trình thường chiếm từ 40-70% tổng dự toán. Do đó, sự biến động tăng giá ngoài dự tính của vật liệu xây dựng trong thời gian vừa qua thực sự là "con ác mộng" với các nhà thầu, nhất là đối với dạng hợp đồng trọn gói không được điều chỉnh giá."

Thi công trong điều kiện các loại VLXD đồng loạt tăng giá đã khiến không ít nhà thầu "bỏ của chạy lấy người" khi việc thương lượng bù lỗ giá vật liệu xây dựng với chủ công trình bất thành. Nhưng nguy hại hơn là nguy cơ tiềm ẩn chất lượng công trình suy giảm.

Ý kiến của nhiều nhà thầu tại hội thảo cho thấy: sự trượt giá vật liệu xây dựng vẫn sẽ diễn ra và không theo một quy luật nào cả. Nếu mỗi khi giá VLXD tăng lại đề nghị Chính phủ cho phép điều chỉnh thì rất phức tạp. Vì vậy cần phải có một cơ chế áp dụng linh hoạt cho trường hợp này.

Theo Kỹ sư Phạm Quang Dũng - Chủ tịch Hội Nhà thầu xây dựng Nam Định, nên có mục trượt giá trong hợp đồng để nhà thầu và chủ đầu tư có thể thương thảo trong các trường hợp biến động giá cụ thể. Ngoài ra chủ đầu tư cũng phải ứng vốn để nhà thầu dự trữ VLXD chống ăn đong bị tăng giá.

Một số nhà thầu cũng cho rằng cần phải sửa quy định chỉ trúng thầu khi bỏ giá thấp hơn giá mời thầu vì khi tính toán công trình theo dự toán là đã áp dụng các định mức rất sát, song nếu nhà thầu bỏ giá cao hơn giá dự toán thì bị loại.

Đây khác nào "vòng kim cô". Vì dự án đã tính theo định mức thì khả năng giảm thấp hơn là phi lý, nhà thầu chỉ còn nước rút từ các chi phí khác. Đặc biệt với các dự án được xây dựng từ vài năm trước thì hiện giá vật liệu tăng gấp vài

lần, nhà thầu đương nhiên chịu lỗ. Vì thế các nhà thầu đề nghị có thể cho bỏ giá cao hơn giá mời thầu.

Trước thực trạng VLXD tăng giá quá cao, Bộ Xây dựng đã trình Chính phủ cho phép các dự án ký hợp đồng trọn gói được điều chỉnh giá. Đây cũng là một động thái kịp thời để cứu nhà thầu, song tiến sĩ Đặng Huy Đông - Vụ trưởng Vụ Quản lý đấu thầu Bộ KHĐT cho rằng việc cho phép điều chỉnh giá các dự án trọn gói chỉ là giải pháp tình thế.

Về lâu dài các nhà thầu cần biết tự cứu mình, phải tính toán kỹ lưỡng khi nhận thầu để tuân thủ hợp đồng. Họ cũng phải sòng phẳng chấp nhận lời ăn lỗ chịu. Mặt khác các cơ quan quản lý cũng cần học hỏi kinh nghiệm các nước để áp dụng theo thông lệ quốc tế trong hợp đồng xây lắp, không nên cho rằng Việt Nam có đặc thù kinh tế khác, có như vậy mới giúp đất nước hội nhập quốc tế.

Ông Đông đã đề xuất một số giải pháp như: Thiết lập kênh thông tin giá nguyên vật liệu và dự báo sự thay đổi để cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá làm cơ sở cho các chủ đầu tư, nhà thầu. Minh bạch hóa các kênh thông tin về thị trường đấu thầu xây lắp, thị trường VLXD. Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý cần tăng cường hơn nữa việc giám sát, hậu kiểm để tránh việc chủ đầu tư "quyền sinh, quyền sát", gây sức ép đối với nhà thầu trái quy định.

Thủ tướng đã ban hành quyết định cho phép điều chỉnh giá và các hợp đồng trọn gói sang hợp đồng theo đơn giá. Bộ Xây dựng cũng đã ra Thông tư hướng dẫn điều chỉnh giá và hợp đồng xây dựng. Nhưng theo ông Phạm Sỹ Liêm, Phó chủ tịch Tổng hội Xây dựng Việt Nam, việc hiện thực hóa những "tín hiệu" đáng mừng đó còn phải đợi một thời gian nữa, vì phải chờ các Bộ khác và các địa phương hướng dẫn cụ thể.

Tại hội thảo nói trên, hầu hết nhà thầu đều mong muốn Nhà nước sớm xây dựng một cơ chế định giá cụ thể, nhằm kiểm soát giá trên thị trường, vì thực tế cho thấy, giá vật liệu xây dựng ở các đại lý được đẩy cao hơn rất nhiều so với giá bán tại nhà máy sản xuất vật liệu, đặc biệt là giá thép.

Bên cạnh đó, là một cơ chế cho phép sự linh hoạt điều chỉnh giá trong hợp đồng xây dựng, để phù hợp giá thực tại trên thị trường.

Theo TS. Phạm Sỹ Liêm, để các công trình hạ tầng cơ sở của đất nước không bị ngừng trệ trước tình hình tăng giá hiện nay, Nhà nước nên "cắt" những dự án công chưa cần thiết để tập trung đầu tư vào những công trình quan trọng hơn. Đồng thời, Nhà nước nên khuyến khích các chủ đầu tư tạm ứng vốn để các nhà thầu tiếp tục có vốn kinh doanh và trả nợ ngân hàng.

Minh Tâm

Công bố Quyết định thành lập Trường Cao đẳng nghề Licogi

Ngày 18/3/2008, tại Hải Dương, Trường Trung cấp nghề cơ khí, cơ giới Xây dựng thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng (LICOGI) đã long trọng tổ chức Lễ nhận Quyết định nâng cấp thành Trường Cao đẳng nghề Licogi. Thứ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Đàm Hữu Đắc - đã trao Quyết định cho Ban lãnh đạo nhà trường.

Trường Cao đẳng nghề Licogi tiên thân là

Trường Công nhân cơ giới số 2 được thành lập từ năm 1974 thuộc Liên hiệp các xí nghiệp thi công cơ giới (nay là Tổng Công ty Licogi). đến nay đã trải qua 34 năm trưởng thành và phát triển, đào tạo trên hai vạn công nhân kỹ thuật, có tay nghề phục vụ cho xã hội. Các thế hệ học sinh của nhà trường đã có mặt trên hầu khắp các công trình trọng điểm của đất nước. Trong số họ có nhiều người trở thành những công



nhân giỏi, tay nghề cao, nhưng "đôi bàn tay vàng" của các doanh nghiệp xây lắp, có nhiều người tiếp tục học lên đại học, trở thành kỹ sư, tham gia công tác quản lý... Đặc biệt trong gần chục năm trở lại đây, với sự phát triển lớn mạnh và trước yêu cầu của xã hội về nguồn lao động chất lượng cao, nhà trường đã tiến hành nâng cấp, mở rộng về cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo để thực sự là cơ sở đào tạo uy tín của các học viên, của Tổng Cục Dạy nghề cũng như của ngành Xây dựng Việt Nam.

Trong niên khóa 2008-2009, cùng với việc đào tạo hệ trung cấp nghề và sơ cấp nghề như trước đây, Trường sẽ tuyển sinh hệ cao đẳng cho từ 300-600 học sinh mỗi năm theo 6 nghề: công nghệ ô tô, cắt gọt kim loại, điện dân dụng, điện công nghiệp và kế toán doanh nghiệp. Theo Hiệu trưởng Lưu Hải Tiên, để đáp ứng cho nhiệm vụ mới, trong những năm qua nhà trường đã tích cực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất: 1,7

tỷ đồng xây dựng 2 xưởng thực hành với diện tích 1.500m²; 220 triệu đồng mua sắm thiết bị đồng bộ cho phòng dạy và học vi tính theo chương trình mục tiêu và hơn 5,5 tỷ đồng xây dựng khu ký túc xá, đường bê tông, sân hoạt động ngoại khóa, mua sắm các phương tiện thiết bị phục vụ giảng dạy và hoạt động ngoại khóa gần 500 triệu đồng. Trường đã xúc tiến xây dựng dự án đầu tư thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục đào tạo giai đoạn 2006-2010 về "tăng cường năng lực dạy nghề" với tổng kinh phí khoảng 40 tỷ đồng. Bên cạnh việc tích cực đầu tư cơ sở vật chất, nhà trường cũng đặc biệt quan tâm đến đội ngũ cán bộ giảng dạy. Theo lộ trình trong thời gian tới nhà trường sẽ tiếp tục tuyển mới, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên để đến năm 2010 nhà trường sẽ có khoảng 90 giáo viên đạt chuẩn trong đó 12 người có trình độ trên đại học.

Giờ đây khi đến Trường Cao đẳng nghề LICOGI, ngôi trường khang trang với khu ký túc xá 5 tầng bề thế, khu phòng học chuyên môn gần 1.000m² trong khuôn viên hơn 4,5 ha nằm bên thị trấn Sao Đỏ (Hải Dương) mới thấy hết những thành quả to lớn của thầy và trò nhà trường trong 34 năm qua. Với cơ sở vật chất không ngừng được đầu tư và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên giỏi được chăm lo bồi dưỡng, nhà trường sẽ tiếp tục là địa chỉ đào tạo được tin cậy của ngành Xây dựng và của xã hội.

Bài, ảnh: Kim Sơn

Viện Vật liệu Xây dựng và lộ trình thực hiện đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động

Trong điều kiện đất nước đang trên đà phát triển, những hoạt động trong ngành Xây dựng cũng như VLXD đang ngày càng đổi mới, đòi hỏi ở mỗi đơn vị có thể đứng vững và lớn mạnh được, cần phải thực sự năng động bắt kịp thời cuộc. Viện Vật liệu Xây dựng – Bộ Xây dựng đã nhanh chóng chuyển mình theo hướng mới.

Năm 2007 là năm đầu tiên của lộ trình thực hiện đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động

của Viện Vật liệu Xây dựng thành tổ chức Khoa học công nghệ tự trang trải hoàn toàn kinh phí theo Nghị định số 115/2005/NĐ - CP của Chính phủ. Bên cạnh những thuận lợi, thời cơ và khó khăn thách thức chung của đất nước trong năm đầu là thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), hoạt động KHCN của Viện còn có những khó khăn khác đó là: Thị trường KHCN chưa phát triển; một số cơ

chế, chính sách chưa đồng bộ, năng lực hoạt động của các đơn vị thuộc Viện không đồng đều v.v... Mặc dù vậy, Viện Vật liệu Xây dựng vẫn đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Ngày đầu bước vào hoạt động hạch toán độc lập đối với đơn vị nghiên cứu khoa học là vô cùng khó khăn, ban lãnh đạo Viện đã xây dựng phương hướng hoạt động mới, trước hết là thay đổi tư duy trong nghiên cứu khoa học và đổi mới phương thức quản lý điều hành, phân công, phân cấp cụ thể, làm sao cho sản phẩm “trí tuệ” sớm đi vào thực tiễn. Điều đó đòi hỏi tính sáng tạo, năng động, tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm của mỗi cán bộ của Viện là rất cao. Những nhà khoa học của Viện hôm nay không đơn thuần chỉ nghiên cứu trên trang sách mà đã đi vào thực tế tìm những vướng mắc, khó khăn trong lao động sản xuất để nghiên cứu tìm ra giải pháp. Năm qua, Viện đã triển khai được nhiều dự án tiêu biểu ứng dụng một số công nghệ mới, sản phẩm mới như: “Sản xuất thử nghiệm công nghệ xi măng giếng khoan tỷ trọng nhẹ tính năng cao”, Viện đã phối hợp cùng Cty Cổ phần Xi măng Kien Khê sản xuất thành công Clinker dùng để sản xuất xi măng giếng khoan kết quả thu được đảm bảo đúng tiêu chuẩn thiết kế: hồ xi măng có tính lưu nhiệt tốt, độ tách nước thấp, đá xi măng có thể chịu được ở môi trường làm việc của giếng với nhiệt độ và áp suất cao, môi trường xâm thực, từ kết quả nghiên cứu của đề tài “Sử dụng thạch cao nhân tạo với công nghệ Desunfua hoá khí thải nhà máy nhiệt điện Phả Lại làm phụ gia cho xi măng”. Viện đã đầu tư dây chuyền tái chế phế thải của quá trình xử lý khí thải làm sản phẩm thạch cao dùng cho xi măng. Với việc sử dụng phụ gia ẩ và công nghệ vê viên... dự án đã chế tạo được viên thạch cao nhân tạo với giá thấp hơn 50 – 60% so với giá thạch cao tự nhiên phải nhập từ nước ngoài. Từ đây Viện đã chế tạo được 8000 tấn sản phẩm thạch cao nhân tạo đang được ứng dụng ở nhà máy xi măng, với hiệu quả kinh tế kỹ thuật cao Viện có đủ khả năng đáp ứng nhu cầu của thị trường trong thời gian tới. Đề tài “Nghiên cứu công

nghệ chế biến rác thải sinh hoạt thành phân bón hữu cơ sinh học đảm bảo tiêu chuẩn môi trường”. Kết quả nghiên cứu được áp dụng tại Nhà máy Xử lý rác Đông Vinh - Nghệ An đã góp phần tích cực vào hoàn thiện các công nghệ xử lý rác thải trong nước làm môi trường thêm xanh sạch.

Đặc biệt các nhà khoa học đã chứng tỏ năng lực của mình khi bắt tay vào nghiên cứu ứng dụng công nghệ nano cho sơn xây dựng. Đây là đề tài hợp tác với Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc trong chương trình hợp tác KHCN theo Nghị định thư giữa Việt Nam và Trung Quốc. Đề tài đã mở ra triển vọng sản xuất thành công hai loại sơn đặc biệt là sơn diệt khuẩn và sơn tự làm sạch. Ngoài ra các nhà khoa học của Viện còn thành công trong nhiều dự án: công nghệ bơm phun bê tông chịu lửa trong thi công mới và sửa chữa lò công nghiệp, vật liệu và công nghệ thi công chống bám dính thành silo chứa xi măng, công nghệ tái chế phế thải cao su thành nhiên liệu lỏng, ... Các dự án được Viện triển khai không những mang lại hiệu quả kinh tế mà còn có ý nghĩa trong việc bảo vệ tài nguyên và môi trường.

Thực hiện phương châm gắn nghiên cứu với thực tế sản xuất, Viện đã tích cực triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào cuộc sống mang lại doanh thu cho Viện đạt trên 66 tỷ đồng, đạt 141% kế hoạch năm 2007 và tăng 71% so với năm 2006. Hoạt động sự nghiệp có thu chủ yếu dựa trên các đề tài chuyển giao công nghệ như: Chuyển giao công nghệ tái chế rác thải ni lông thành hạt nhựa để sản xuất VLXD và các sản phẩm khác, hướng dẫn công nghệ sản xuất xi măng giếng khoan chủng loại G, sản xuất và cung cấp các sản phẩm bê tông chịu lửa ít xi măng CR – 15, CR – 18 và các chủng loại vật liệu chịu lửa khác, bột màu các loại cho sản xuất gạch lát Ceramic, thạch cao nhân tạo từ phế thải desunfua hoá khí thải nhiệt điện Phả Lại, các loại phụ gia xi măng, bê tông, vữa đặc chủng... Các kết quả nghiên cứu của Viện được đưa vào ứng dụng trong thực tiễn

không chỉ giúp các doanh nghiệp tạo ra sản phẩm mới mà còn tạo ra sự chủ động hơn trong sản xuất kinh doanh, đồng thời cũng mai lại nguồn thu cho Viện, góp phần nâng cao năng lực của Viện từng bước thành công trên con đường tự trang trải kinh phí.

Cùng với việc nghiên cứu khoa học, Viện đã lập "Quy hoạch thăm dò, khai thác chế biến và sử dụng khoáng sản làm VLXD ở Việt Nam đến năm 2020"; "Quy hoạch tổng thể ngành công nghiệp VLXD Việt Nam đến năm 2020" và tư vấn lập quy hoạch phát triển công nghiệp VLXD đến năm 2020 cho một số tỉnh: Hưng Yên, Lâm Đồng, Tuyên Quang, Lai Châu, Đắk Nông....

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, Viện hoàn thành dự thảo 26 tiêu chuẩn quốc gia về lĩnh vực VLXD, đang trình Bộ Xây dựng và Bộ Khoa học Công nghệ làm thủ tục công bố.

Để vững vàng bước vào hoạt động theo cơ chế mới, Viện mở rộng liên kết, hợp tác với nhiều trung tâm khoa học, các Cty nước ngoài như: hợp tác với Trung tâm Rheinbach về nâng cao năng lực thí nghiệm với các thiết bị phân tích hiện đại; kết hợp với tập đoàn Burritz về các vấn đề công nghệ sản phẩm vật liệu chịu lửa. Hợp tác với Viện Vật liệu Xây dựng Trung Quốc (CBMA) cùng phối hợp xây dựng đề cương hợp tác nghiên cứu đề tài ứng dụng công nghệ bê tông chất lượng cao; ứng dụng công nghệ cao cho sơn xây dựng; ký bản ghi nhớ hợp tác với Cty Nippon Steel về nghiên cứu sử dụng xỉ hạt lò cao làm phụ gia cho xi măng Pooclan, xi măng bền Sunfat, xi măng ít toả nhiệt và làm phụ gia bê tông HBC; hợp tác với Cty Elkem (Na Uy) về nghiên cứu sử dụng chế phẩm Silicafume. Ngoài ra Viện đã hoàn thành tốt công tác thẩm định, tư vấn trong lĩnh vực VLXD.

Năm 2008 với 46 nhiệm vụ KH-CN Nhà nước giao phải hoàn thành gồm 16 nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm trước và 30 nhiệm vụ bắt đầu triển khai, trong đó có những đề tài cấp Nhà nước

như: Công nghệ sản xuất men có độ cứng cao cho gốm xây dựng; Thiết kế kỹ thuật phần công nghệ công đoạn chế tạo Clinker trong dây chuyền sản xuất xi măng lò quay 2500 tấn clinke/ngày - Chương trình trọng điểm cơ khí thiết bị xi măng; Công nghệ sản xuất sơn màu cho vật liệu lợp không nung; Công nghệ sản xuất vữa phủ sàn tự san phẳng trên cơ sở xi măng - polyme; Công nghệ chế tạo thủy tinh trang trí kiến trúc; Nghiên cứu chế tạo KIT định hàm lượng Clo; Xây dựng phương pháp thử nghiệm liên phòng đánh giá năng lực phòng thử nghiệm phân tích hoá và cơ lý xi măng thuộc hệ thống phòng thí nghiệm LAS - XD; Biên soạn 22 tiêu chuẩn quốc gia.... Với khối lượng công việc hết sức nặng nề, năm 2008 với những thách thức mới, yêu cầu mới đòi hỏi Viện phải tích cực thực hiện nghiên cứu khoa học phục vụ quản lý Nhà nước, đồng thời đẩy mạnh hoạt động có thu, nâng cao năng lực hoạt động của Viện. Nhưng trước mắt Viện vẫn tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn để mỗi người có kiến thức nắm bắt vận dụng các quy luật kinh tế thị trường vào công việc có năng lực triển khai ứng dụng vào thực tiễn. Tăng cường công tác thông tin KH-CN, kịp thời nắm bắt các kiến thức quản lý tiên tiến của khu vực và thế giới cũng như pháp luật quốc tế để hội nhập. Mở rộng các lĩnh vực hoạt động đặc biệt tập trung vào công tác quản lý dự án, tư vấn giám sát, hướng dẫn vận hành các dây chuyền sản xuất vật liệu mới.

Để hoàn thành kế hoạch năm 2008, Viện tập trung phát triển thị trường, gắn việc nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp là mục tiêu chính, các sản phẩm nghiên cứu của Viện phải mang tính thương phẩm, nâng cao năng lực cán bộ để có thể thực hiện tốt các chỉ tiêu lộ trình phát triển của Viện tới năm 2010 và xây dựng Viện thành đơn vị đầu ngành về khoa học vật liệu xây dựng.

Minh Tâm

Bộ Xây dựng họp bàn về các giải pháp bình ổn thị trường xi măng

Trong bối cảnh giá vật liệu xây dựng tăng đột biến trong quý 1/2008 gây ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường xây dựng và hoạt động của các nhà thầu xây dựng, ngày 21/3/2008, Bộ Xây dựng đã tổ chức một cuộc họp bàn về công tác thị trường xi măng. Tham dự cuộc họp có lãnh đạo các Vụ chức năng của Bộ - Vụ Vật liệu Xây dựng, Vụ Kế hoạch Thống kê, Văn phòng Bộ, Hiệp hội xi măng Việt Nam, Tổng Công ty công nghiệp xi măng Việt Nam, các nhà máy xi măng và trạm nghiền xi măng, các đơn vị nhập khẩu clinker. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam đã chủ trì cuộc họp.

Sau khi nghe báo cáo của Vụ Vật liệu Xây dựng về tình hình sản xuất và tiêu thụ xi măng cả nước năm 2007, tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2008, ý kiến của các đại biểu dự họp. Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam đã có ý kiến kết luận. Ngày 25/3/2008, Văn phòng Bộ Xây dựng đã ra Thông báo số 98/TB-BXD, thông báo Kết luận của Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam để các đơn vị liên quan biết và phối hợp thực hiện với những nội dung sau:

1. Bộ Xây dựng biểu dương các đơn vị sản xuất xi măng, các trạm nghiền xi măng, các đơn vị nhập khẩu clinker trong những năm qua và trong các tháng đầu năm 2008 đã tích cực vận hành sản xuất vượt công suất thiết kế, khắc phục khó khăn về giá xăng dầu tăng cao, điều kiện bất lợi về thời tiết để tiếp tục nhập khẩu clinker cũng như vận chuyển xi măng tới các miền của cả nước đáp ứng nhu cầu của xã hội, đồng thời Bộ cũng biểu dương các chủ đầu tư đã đưa ra những giải pháp đẩy nhanh tiến độ thi công nhiều dự án đang triển khai vì vậy từ tháng 12/2007 đến hết tháng 04/2008 chúng ta sẽ có 4 nhà máy mới đi vào hoạt động và hết quý II/2008 sẽ bổ sung thêm 4 nhà máy nữa góp phần đáng kể vào nguồn cung cấp clinker và xi măng cho nhu cầu thị trường. Tuy nhiên, các đơn vị cũng cần xây dựng chiến lược kinh

doanh xi măng cho những năm tiếp theo. Vụ Vật liệu Xây dựng cần khẩn trương phối hợp với các chủ đầu tư để nắm bắt tình hình, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn và đơn đốc tiến độ các dự án.

2. Qua các số liệu thu thập, phân tích của các đơn vị sản xuất, cung ứng xi măng, nhập khẩu clinker cho thấy nguồn cung cấp xi măng, clinker của quý II và cả năm 2008 đảm bảo đủ cho nhu cầu tiêu thụ ở mức cao. Tuy nhiên nguồn cung cấp xi măng phân bố không đều cho các khu vực tiêu thụ, vì vậy Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam, các đơn vị sản xuất và kinh doanh cần tiếp tục nghiên cứu các giải pháp vận chuyển clinker, xi măng từ miền Bắc vào miền Nam và điều hoà giữa các khu vực trong cả nước, xem xét và cân đối giữa nguồn hàng sản xuất trong nước và nhập khẩu clinker chuẩn bị các phương án để đảm bảo đủ clinker nhập khẩu theo dự kiến.

3. Từ những kinh nghiệm rút ra trong những năm qua cho thấy nhu cầu thị trường xi măng Việt Nam thường tăng trong một vài tháng nhất định của năm, vì vậy các đơn vị sản xuất kinh doanh mặt hàng này cần phối hợp và điều chỉnh đưa lịch trình duy tu bảo dưỡng thiết bị vào các tháng không cao điểm về nhu cầu nguồn hàng nhằm giảm áp lực của thị trường. Hiện tại những nhà máy có công đoạn của dây truyền thiết bị đang được sửa chữa, bảo dưỡng yêu cầu khẩn trương đẩy mạnh công việc này để đưa dây truyền nhanh chóng hoạt động trở lại.

4. Các đơn vị sản xuất và kinh doanh mặt hàng xi măng cần có tinh thần trách nhiệm cao đối với khách hàng và xã hội cũng như đảm bảo lâu dài thị phần của mình ở trong nước nên thời gian tới chưa tăng giá bán xi măng.

5. Vụ Vật liệu Xây dựng, Vụ Kế hoạch Thống kê phối hợp với Hiệp hội xi măng Việt Nam, Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt

Nam và các đơn vị liên quan thành lập đoàn kiểm tra liên ngành về thị trường xi măng, tiến hành kiểm tra, kiểm soát các nhà phân phối, các đại lý, cửa hàng bán lẻ. Rà soát các đối tượng mua hàng nhằm phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp đầu cơ, găm hàng chờ lúc kham hiếm nguồn hàng để nâng giá bất hợp lý trực lợi.

6. Vụ Vật liệu Xây dựng phối hợp với các đơn vị liên quan soạn thảo văn bản báo cáo

Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan về tình hình cung ứng than, giá than, điện và các nguyên, nhiên liệu tác động tới sản xuất và giá xi măng.

7. Thực hiện Thông báo kết luận số 30/TB-BXD ngày 18 tháng 01 năm 2008 của Bộ Xây dựng về công tác thị trường xi măng.

Bạch Minh Tuấn

Nguồn: Thông báo số 98/TB-BXD

Thị trấn Tân Châu huyện Tân Châu tỉnh An Giang được nâng cấp lên đô thị loại IV

Hiện tại thị trấn Tân Châu là huyện lỵ của huyện Tân Châu, là đô thị loại V trong hệ thống đô thị của tỉnh An Giang. Đồ án quy hoạch chung thị trấn đã được UBND tỉnh An Giang phê duyệt ngày 20/9/1996.

Quá trình 10 năm thực hiện theo quy hoạch chung, thị trấn Tân Châu đã không ngừng phát triển, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống công trình công cộng đã được đầu tư, tạo cho Tân Châu từ một thị trấn nghèo vùng xa, ngập lũ, có hệ thống kết cấu hạ tầng còn thấp kém so với mạng lưới đô thị trong khu vực, đến nay đã từng bước phát triển thành một đô thị có hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật tương đối đồng bộ.

Theo tinh thần Nghị quyết số 08/NQ-TU ngày 21/6/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ An Giang, đã đề ra mục tiêu: Phấn đấu đủ điều kiện và tiêu chuẩn để thị trấn Tân Châu phát triển thành thị xã từ nay đến năm 2010.

Để xác lập đúng loại và cấp đô thị, tạo môi trường thuận lợi, kêu gọi đầu tư, liên doanh liên kết, tăng nguồn lực cho thị trấn, đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị, phát triển kinh tế xã hội, việc nâng cấp thị trấn Tân Châu lên đô thị loại IV là yêu cầu khách quan và cần thiết.

Quy hoạch chung thị trấn được lập đến năm 2025 trên phạm vi 688 ha trong khu vực nội thị và các chức năng đặc biệt có liên quan. Phạm

vi ranh giới quy hoạch được giới hạn như sau: Phía Bắc giáp xã Long An, phía Đông giáp sông Tiền, phía Nam giáp xã Long Sơn - huyện Phú Tân, phía Tây giáp xã Long Phú.

Theo ranh giới hành chính khu vực nội thị của thị trấn có diện tích 688 ha, trong đó 360 ha là đất nông nghiệp, 113 ha là kênh mương, ao hồ, mả, vườn,...

Thị trấn Tân Châu là một trong 11 đơn vị hành chính của huyện Tân Châu; là đô thị quan trọng theo trục đô thị dọc biên giới Tây Nam; đô thị chuyên ngành về thương mại, dịch vụ, giao thông vùng biên giới Campuchia.

Thị trấn là đô thị trung tâm cấp huyện (thương mại, dịch vụ, du lịch, quốc phòng, đầu mối giao thông,...), với những tính chất như:

- Là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hoá, xã hội, thương mại dịch vụ vùng biên giới Tây Nam; điểm trung chuyển hàng hoá giao thương giữa Việt Nam và Campuchia qua cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương;

- Là trung tâm về kinh tế, giao thông đầu mối thủy bộ khu vực;

- Là đô thị quan trọng về an ninh, quốc phòng vùng biên giới Tây Nam.

Trong quá trình phát triển thị trấn đã đạt được một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội như sau: Tổng thu ngân sách GDP trên địa bàn năm 2005 đạt 378,2 tỷ đồng, năm 2007 - 449 tỷ

đồng; GDP thu nhập bình quân đầu người/năm đạt 641 đô la; cân đối thu, chi ngân sách thường xuyên: thu kết dư 2,65 tỷ đồng; mức tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm giai đoạn 2001 - 2005 đạt 11,5%, giai đoạn 2005 - 2007 đạt 14,29%; tỷ lệ hộ nghèo tính trong năm 2005 là 3,17%, tỷ lệ thất nghiệp giảm từ 7% còn 5,6%; mức tăng dân số năm 2004 là 37.908 người, năm 2005 - 38.151 người; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân năm - 1,32%.

Huyện Tân Châu có 11 đơn vị hành chính tổng dân số toàn huyện 162.198 người (năm 2005), trong đó dân số thị trấn Tân Châu là 38.151 người. Số lao động trong độ tuổi của thị trấn là 24.075 người, lao động phi nông nghiệp là 20.853 người. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của thị trấn đạt 92,16%.

Các chỉ tiêu về hạ tầng đô thị của thị trấn như sau:

- Nhà ở: Tổng diện tích nhà ở bằng 556.450 m², trong đó nhà ở kiên cố là 223.136m² bằng 40,1%. Diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt 14,22m² sàn/người. Đất xây dựng công trình công cộng cấp khu ở là 4,763 ha, bình quân đạt 1,16m²/người. Đất dành cho xây dựng công trình công cộng phục vụ cấp đô thị là 15.723 m², bình quân đạt 3,82 m²/người.

- Giao thông:

+ Đường bộ: Tổng chiều dài đường (bao gồm đường tỉnh lộ, đường phố chính, đường khu vực, đường nội bộ trong đô thị) đạt khoảng 52,244km, nền đường rộng từ 6m đến 29m, mặt đường rộng từ 3 - 12m, toàn bộ mặt đường đã được thảm nhựa hoặc bê tông xi măng, trong đó tổng chiều dài đường tỉnh qua đô thị là 35,154km và tổng chiều dài các đường chính đô thị đạt 18,28 km.

+ Đường thủy: Giao thông thủy đóng vai trò quan trọng trong vận chuyển, 90% lượng hàng hóa được vận chuyển bằng đường thủy. Hiện tại, thị trấn có 2 bến tàu trên sông Tiền vận chuyển hàng hoá trong vùng và qua biên giới cửa khẩu Vĩnh Xương. Cảng đường thủy Tân Châu mới dự kiến sẽ được xây dựng với công

suất 170.000 tấn/năm.

- Cấp nước: Sông Tiền là nguồn nước mặt phục vụ việc cấp nước sạch cho thị trấn; hiện tại thị trấn có 01 nhà máy nước công suất 5.000m³/ngày đêm cung cấp bình quân đầu người đạt 120 lít/người/ngày đêm và đảm bảo 90% dân số được cấp nước sạch. Hiện nay, thị trấn đang khảo sát thiết kế nâng công suất nhà máy lên 10.000m³/ngày đêm đảm bảo 100% dân số trong nội thị được cấp nước sạch.

- Thoát nước: Hệ thống thoát nước hiện hữu là hệ thống dùng chung cho thoát nước mưa và nước thải, tổng chiều dài hệ thống thoát nước bằng 12.663 km, trong đó mương xây - 3.893 m, cống tròn các loại có đường kính từ 0,2 m đến 1,0 m. Hiện nay, thị trấn đang triển khai xây dựng các tuyến thoát nước riêng đồng bộ với xây dựng các công trình hạ tầng khác; nước thải trong phạm vi nội thị của thị trấn sẽ được đưa về khu vực xử lý riêng để xử lý trước khi thải ra các nguồn nước khác.

- Cấp điện và chiếu sáng đô thị: Nguồn điện cung cấp cho thị trấn là trạm biến áp 35/15Kv Tân Châu; trạm này nhận điện từ lưới điện quốc gia thông qua trạm biến áp trung thế 35Kv Châu Đốc 110/35/22Kv. Tổng chiều dài tuyến trung thế 15Kv trong khu vực quy hoạch là 20,2 km, gồm 1,1km tuyến kép và 19,1km tuyến đơn. Mạng lưới điện chiếu sáng đô thị ngày càng được mở rộng; tỷ lệ chiếu sáng đường chính trung tâm, đường nội thị đạt 85% vào năm 2005 và 100% vào năm 2007.

- Thông tin và bưu điện: Tổng số máy thuê bao đã được lắp đặt trên địa bàn thị trấn là 9.774 máy, bình quân 26 máy/dân. Trên địa bàn thị trấn có tổng đài điện tử hoà vào mạng lưới thông tin liên lạc của tỉnh và quốc gia, quốc tế thuận lợi.

- Vệ sinh môi trường: Tổng diện tích đất cây xanh đô thị khoảng 28,7 ha, bình quân đạt 7 - 10m²/người (kể cả đất cây xanh của dự án công viên văn hoá - TDTT dự kiến triển khai và diện tích mặt nước sông, rạch đạt 30% cây xanh). Diện tích đất cây xanh công cộng (trong

khu dân dụng) là 41 ha, bình quân 7 m²/người, gồm các công viên, đất vườn tập trung trong các công trình công cộng (kể cả đất cây hàng năm và mặt nước sông, kênh được tính 30% cây xanh). Hiện tại, thị trấn có bãi rác tại xã Long Phú được đưa vào sử dụng từ năm 1997, lượng rác thải thu gom đạt 80%.

Hiện tại, tổng số dân có hộ khẩu thường trú

tại thị trấn đạt 41.116 người, mật độ dân số thị trấn bằng 7.861 người/km².

Đề án đã được Hội đồng thẩm định Bộ Xây dựng đã xem xét theo 5 tiêu chí phân loại đô thị và thông qua. Ngày 02/01/2008 Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 02/QĐ-BXD công nhận thị trấn Tân Châu huyện Tân Châu tỉnh An Giang là đô thị loại IV.

Thị trường bất động sản trong nền kinh tế thị trường nước Mỹ

Trong bối cảnh của một nền kinh tế thị trường phát triển mạnh như nước Mỹ hiện nay, lĩnh vực bất động sản có được những điều kiện lý tưởng để hoàn thiện thị trường của mình. Trong thị trường này, nhà ở chính là vật dùng để kinh doanh buôn bán, nó dựa vào quy luật cung cầu của thị trường để lưu thông, Nhà nước không trực tiếp quản lý thị trường bất động sản, hoặc có thể nói, về phương diện này nước Mỹ “thả lỏng” hơn so với các nước khác.

Các nhà phân tích kinh tế thường nói thị trường bất động sản Mỹ trong mấy năm vừa qua “lên cơn sốt”, quả thực câu nói này không hề thái quá. Bởi trong mấy năm trở lại đây, số lượng nhà ở mới xây dựng tiêu thụ ở Mỹ mỗi năm dao động trong khoảng từ 1 đến 2 triệu căn, nhà ở cũ mỗi năm tiêu thụ được khoảng trên 5- 6 triệu căn. Cơn sốt xây dựng và tiêu thụ nhà ở đã dẫn đến giá nhà đất không ngừng tăng cao, thị trường cổ phiếu lâu nay vẫn diễn ra bình thường thì nay đã hình thành nên sự so sánh rõ rệt. Do đó, ngoài việc mua nhà để ở, người ta còn mua nhà để đầu tư. Năm 2005, thị trường bất động sản của Mỹ đạt mức cao với 8870 tỷ USD.

Là một thị trường riêng biệt, nhưng thị trường bất động sản của Mỹ cũng nhất thiết phải vận động dựa theo quy luật thị trường, cần phải đáp ứng đầy đủ mọi nhu cầu. Ví dụ, diện tích nhà ở lớn hay nhỏ, hoàn toàn do người kinh doanh bất

động sản của Mỹ, sau khi tiến hành điều tra kỹ lưỡng và phân tích một cách khoa học về tình hình nhu cầu thị trường của các khu vực rồi mới đi đến quyết định. Trong tháng 4-2006, số lượng nhà ở được khởi công xây dựng ở Mỹ đạt gần 2 triệu căn, trong đó số lượng nhà ở sở hữu riêng đạt mức cao với 1,65 triệu căn, chiếm 79% tổng số lượng khởi công. Số còn lại là nhà chung cư cho thuê hoặc để bán, nhưng diện tích cũng có lớn, có nhỏ, không ít phòng đạt tiêu chuẩn cao về nhà ở chung cư. Chỉ trong tháng 4/2006, nhà mới xây tiêu thụ được gần 1,2 triệu căn, trong đó khoảng 80% là nhà sở hữu riêng. Do thể chế kinh tế của nước Mỹ như vậy, nên xây dựng nhà ở với số lượng bao nhiêu, diện tích lớn nhỏ và số lượng tiêu thụ hoàn toàn là do thị trường quyết định.

Trong những năm gần đây, cơn sốt trên thị trường bất động sản của Mỹ đã làm cho giá nhà ở tăng lên nhanh chóng, nhưng trước mắt tình trạng này đã dừng lại, tốc độ tăng giá nhà ở có thể nói là vừa phải. Theo báo cáo và công bố của Bộ Thương mại Trung Quốc, nếu năm 1996 bình quân giá nhà ở, lấy chỉ số 100 để tính thì trong năm 2006, bình quân giá nhà ở toàn nước Mỹ có chỉ số là 153,1. Như vậy có thể nói, trong vòng 10 năm bình quân giá nhà ở tăng lên là 53%. Năm 1996, ở Mỹ điển hình những kiểu nhà sở hữu riêng có giá tiêu thụ bình quân trên cả nước là 166,4 nghìn USD, năm 2006 giá

bình quân là 254,8 nghìn USD. Dựa theo những gia đình có mức thu nhập bình quân đạt tiêu chuẩn ở Mỹ mà nói, bất luận là giá nhà ở phù hợp thực tế hay là tăng cao, thì vẫn có thể nói giá nhà chỉ ở mức vừa phải.

Giá nhà ở tăng lên, phải chăng sẽ làm nảy sinh tình trạng đầu cơ tích trữ, từ đó thị trường sẽ mất đi những quy luật vốn có của nó, người đầu cơ đất sẽ đồng loạt nâng giá để kiếm lời? Câu trả lời sẽ là: Không phải như vậy. Bởi nếu những người kinh doanh bất động sản giữ trong tay họ một lượng lớn nhà ở, thì cũng giống như họ đang giữ một lượng lớn vốn quay vòng, do vậy sẽ không thể tiến hành mở rộng thị trường được. Ngoài ra, nếu những người kinh doanh bất động sản giữ trong tay một lượng lớn nhà ở mà lại không bán được, có nghĩa là kinh doanh đang gặp khó khăn, từ đó họ sẽ rất khó vay tiền từ ngân hàng để tiến hành mở rộng hoạt động của mình. Như vậy, thị trường bất động sản của Mỹ không những không tích trữ được nhà ở đời giá cao bán đi, ngược lại còn phải sử dụng nhiều phương thức để tiêu thụ lượng nhà ở của mình, cố gắng giảm bớt lượng nhà tồn đọng. Trong quý 1 năm 2006, tỉ lệ nhà ở được tiêu thụ dưới hình thức cho thuê là 9,5% trong tổng số lượng nhà ở còn để trống, trong khi đó số lượng nhà ở được tiêu thụ dưới hình thức bán chỉ

chiếm có 2,1% trong tổng số lượng nhà ở còn để trống.

Chính phủ Mỹ trong vấn đề thị trường nhà ở, đang nỗ lực giúp đỡ để những gia đình có thu nhập thấp có được nhà ở. Ngoài điều chỉnh lãi suất cơ bản để tăng hoặc hạ lãi suất vay tiền thế chấp nhà ở ra, Chính phủ Mỹ còn dùng nhiều phương thức để hỗ trợ những gia đình có thu nhập thấp mua nhà ở. Mặc dù giá nhà ở Mỹ có thể nói không phải là đắt, nhưng nếu không có sự hỗ trợ của Chính phủ, thì những gia đình có thu nhập thấp sẽ không đủ khả năng mua nhà ở. Do vậy, khác với chức năng của Bộ Phát triển đô thị và nhà ở, chức năng chính của Chính phủ Mỹ là hỗ trợ và giải quyết vấn đề nhà ở cho người nghèo, đưa ra rất nhiều kế hoạch hỗ trợ về nhà ở, trong đó có việc cho vay tiền, hỗ trợ thuê nhà và bán nhà ở với mức giá thấp hoặc trung bình cho những gia đình có thu nhập thấp. Hàng năm, thông qua những kế hoạch này Chính phủ Mỹ đã hỗ trợ một lượng lớn tiền vốn, tạo điều kiện cho không ít những gia đình có thu nhập thấp và vô gia cư giải quyết được vấn đề về nhà ở.

ND: Nguyễn Bích Ngọc

Nguồn: <http://www.Cein.gov.cn>

Kinh nghiệm giám sát và quản lý chất lượng công trình xây dựng của Trung Quốc

Sau khi ban hành “Luật Xây dựng nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa”, ngày 1/1/ 2000 “Điều lệ quản lý chất lượng công trình xây dựng” cũng được ban hành, điều này chứng tỏ Đảng và Chính phủ Trung Quốc rất chú trọng đến lĩnh vực chất lượng công trình xây dựng. Sau cải cách, ngành Xây dựng Trung Quốc phát triển tương đối nhanh nhưng còn đang trong thời kỳ chuyển đổi quan trọng từ cơ chế kinh tế cũ sang cơ chế kinh tế thị trường nên cơ chế thị trường

xây dựng chưa thực sự được kiện toàn, chỉ chú trọng tiến độ mà xem nhẹ chất lượng xây dựng. Vì vậy, việc chính phủ Trung Quốc tăng cường giám sát chất lượng công trình xây dựng và thực hiện cơ chế quản lý giám sát công trình xây dựng là chính sách quan trọng trong việc quản lý vi mô và khống chế vĩ mô của thị trường xây dựng Trung Quốc hiện nay, và vấn đề trước mắt của Chính phủ Trung Quốc là làm thế nào để nắm vững mối quan hệ giữa giám sát và quản

lý giám sát công trình xây dựng cùng biện pháp thực hiện.

Vào đầu những năm 80, các thành phố lớn, vừa và nhỏ của Trung Quốc căn cứ theo yêu cầu của Quốc vụ viện “Tiến hành kiểm tra giám sát chất lượng công trình trong khu vực theo cơ chế giám sát, quy định pháp luật và tiêu chuẩn kỹ thuật do thành phố thiết lập”, theo đó tiếp tục thành lập Phòng giám sát chất lượng công trình xây dựng. Sau hơn chục năm phát triển, hiện nay Trung Quốc đã có hơn hai nghìn Phòng giám sát chất lượng công trình xây dựng, các thành phố thuộc tỉnh, thủ phủ của khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương và các khu đô thị gần như đều thành lập Phòng giám sát chất lượng công trình đô thị hoặc Phòng giám sát chất lượng công trình xây dựng. Vào giữa những năm 80, công ty giám sát quản lý công trình xây dựng được đưa vào hoạt động thử nghiệm. Nhìn từ góc độ này thì hệ thống giám sát và quản lý giám sát chất lượng công trình đô thị trên cơ bản đã hình thành, có tác dụng tích cực thúc đẩy chất lượng công trình đô thị phát triển vững mạnh.

1- Tình hình giám sát và quản lý chất lượng công trình đô thị hiện nay của Trung Quốc

Sau khi nghe báo cáo tình hình kinh tế Trung Quốc vào tháng 7/1985, Chính phủ Trung Quốc đã chỉ rõ: “Muốn nâng cao chất lượng thì bắt buộc phải cải cách. Muốn lập pháp cần có tiêu chuẩn kiểm tra chất lượng, hơn nữa cần có cơ cấu vững mạnh để thực hiện. Nắm chắc được khâu mấu chốt này có thể giảm được nhiều tổn hại, ngăn chặn được các hành vi gian dối. Hiện nay vấn đề chất lượng thường xuyên được nâng cao, nhưng chỉ nâng ở mức bình thường thì không đủ mà phải nâng cao hơn nữa, nắm chắc hơn nữa”. Những chỉ đạo trên đã chỉ ra phương hướng hoàn thiện cơ chế quản lý và giám sát chất lượng công trình xây dựng. Hơn chục năm trở lại đây, những nhân viên thực hiện công tác giám sát và quản lý chất lượng công trình của Trung Quốc đều triển khai công

tác theo nguyên tắc “Công bằng, thực tế và khoa học”, việc này góp phần tăng cường và mở rộng phạm vi quản lý giám sát chất lượng công trình. Với một số dự án vừa và lớn hay các công trình trọng điểm dưới sự quản lý giám sát chặt chẽ, hiệu quả thì chất lượng công trình được nâng cao rõ rệt. Mấy năm gần đây Trung Quốc xuất hiện những công trình mẫu đạt chất lượng cao cấp Bộ, cấp Tỉnh và cấp Nhà nước từ đó đã mang lại những lợi ích kinh tế và lợi ích cho xã hội. Tuy nhiên có thể thấy, chất lượng công trình đô thị Trung Quốc đến nay chỉ dừng ở giai đoạn “chất lượng phù hợp”, xét về tính thực dụng, tính kinh tế, tính nghệ thuật và chức năng còn chưa hoàn chỉnh. Công tác giám sát quản lý còn chưa thực sự lý tưởng, bởi suy cho cùng cơ cấu giám sát chất lượng công trình đô thị Trung Quốc thành lập tương đối muộn, đặc biệt có một số công ty quản lý giám sát vừa mới được thành lập, hơn nữa ở một số khu vực, công tác giám sát và quản lý chất lượng còn chưa thực sự được chú trọng, có nơi thậm chí còn thiếu quy định pháp luật, việc giám sát và quản lý công trình đô thị của một số địa phương còn buông lỏng. Phải thấy rằng, Chính phủ Trung Quốc từ lâu đã rất chú trọng đến vấn đề chất lượng công trình, từ những năm 50, 60 đã đề cao phương châm “Kế hoạch trăm năm, chất lượng số một”, “Thiết kế, thi công cẩn thận”, đến hiện nay “Chất lượng hưng quốc” và “Trung quốc chất lượng vạn lý hành”,... đều cho thấy sự quan tâm của Đảng và Chính phủ Trung Quốc về vấn đề chất lượng.

Nhưng cho đến nay lãnh đạo của một số chính quyền địa phương vẫn có thói quen thực hiện theo mệnh lệnh hành chính, trực tiếp chỉ huy theo cơ chế kinh tế cũ, chỉ lo thành quả và lợi ích trước mắt mà gây ảnh hưởng đến công trình, trong quản lý thiếu tính thực tế, thiếu khoa học, thời gian thi công thiếu hợp lý, thực chất các địa phương chỉ dương cao khẩu hiệu chất lượng mà không thực sự quán triệt thực hiện quản lý chất lượng. Các địa phương xem việc

tiến hành sai quy cách là chìa khóa vạn năng để đẩy nhanh công tác xây dựng công trình đô thị và nâng cao chất lượng công trình. Trong tình hình này đơn vị thi công vì sự sinh tồn và phát triển đã phải đối mặt với các công trình khó thi công và quản lý. Trong hình hình thiếu vốn, thiết kế, thi công và quản lý kỹ thuật không đạt tiêu chuẩn các doanh nghiệp thực hiện theo phương châm “Tốc độ là số một”. Thậm chí có một số đơn vị thi công vì chạy theo lợi ích cục bộ hay lợi ích phi pháp mà chia nhỏ gói thầu công trình, ăn bớt vật liệu, trốn việc, làm giả giấy chứng nhận vật liệu, trình báo cáo thí nghiệm giả, ghi chép công trình ngầm sai sự thực,... Những việc làm này đẩy chất lượng công trình xây dựng Trung Quốc trượt dốc. Ngoài ra, công tác thực hiện cơ chế quản lý và giám sát gặp nhiều khó khăn, công tác quản lý giám sát chất lượng vĩ mô vẫn còn yếu kém. Trong tình hình này, một số cơ cấu quản lý giám sát đối diện với đầu tư đa dạng, các dự án đô thị liên tục tăng trưởng, bùng phát đội ngũ thi công, tổ chức của toàn đội ngũ yếu kém. Trong tình hình này việc tăng cường giám sát chất lượng vô hình chung trở thành việc làm thiếu thực tế. Vì vậy, khi thị trường công trình đô thị còn nằm trong giai đoạn mới phát triển, cơ chế thị trường chưa kiện toàn, mặt trái và các yếu tố tiêu cực đang xâm chiếm chất lượng công trình thì nhiệm vụ quan trọng đặt ra trước mắt Chính phủ Trung Quốc là đưa ra các biện pháp để chuẩn hóa cơ chế quản lý công trình xây dựng, tăng cường công tác giám sát chất lượng công trình và điều phối mối quan hệ giữa công tác giám sát và quản lý công trình xây dựng.

2- Tính chất của công tác quản lý và giám sát

Cơ cấu giám sát chất lượng công trình là cơ cấu chuyên môn do nhà nước thiết lập nhằm thực hiện giám sát quản lý chất lượng công trình xây dựng. Hiện nay, Chính phủ Trung Quốc chủ yếu thực hiện quản lý vĩ mô thông qua việc thiết lập và kiện toàn 3 hệ thống đó là: Hệ thống

đảm bảo chất lượng, hệ thống giám sát chất lượng và hệ thống chứng nhận chất lượng. Trong đó hệ thống giám sát chất lượng công trình xây dựng Trung Quốc là học tập phương pháp giám sát quản lý của các nước Châu Âu như Thụy Điển. Năm 1984, Trung Quốc tiến hành thiết lập cơ cấu giám sát trên cơ sở văn bản “Thành phố thiết lập cơ cấu giám sát chất lượng, tiến hành kiểm tra giám sát chất lượng công trình theo quy định pháp luật và tiêu chuẩn kỹ thuật” do Quốc vụ viện Trung Quốc ban hành. Tính chất của cơ cấu giám sát này là cơ cấu hành pháp thay mặt nhà nước thực hiện quyền quản lý giám sát chất lượng, nói đơn giản hơn, giám sát chính là hành pháp. Công tác giám sát là một môn khoa học dựa trên pháp luật, pháp quy và hành chính nhà nước, nó mang tính khách quan, bình đẳng, độc lập, cưỡng chế và quyền lực. Chung quy lại, nó là sức mạnh ngoại lực chứ không phải là vấn đề tự khắc phục. Chủ thể giám sát mang tính độc lập, bình đẳng chứ không phải là mối quan hệ phụ thuộc, mệnh lệnh và phục tùng, người giám sát càng không thể chịu sự chi phối và khống chế của người bị giám sát. Quan hệ giám sát không thể hình thành trên cơ sở tự nguyện của người bị giám sát, giữa cơ cấu giám sát và doanh nghiệp thi công là mối quan hệ giữa bên giám sát và bên bị giám sát, cơ cấu giám sát có quyền thực hiện theo pháp luật và pháp quy, địa vị của người giám sát có thể không cao nhưng được quyền thừa hành công tác giám sát, cơ cấu giám sát có quyền xử phạt hành chính đối với doanh nghiệp thi công, giám sát là cơ chế mang tính chất bắt buộc, các bên tham gia công trình đều bắt buộc chấp nhận sự giám sát về chất lượng.

Ở một số nước phát triển cơ chế quản lý công trình xây dựng đã có khoảng 100 năm lịch sử. Vào khoảng giữa những năm 80, Trung Quốc lần đầu tiên thực hiện cơ chế giám sát trong một số công trình xây dựng do nước ngoài đầu tư xây dựng, đồng thời tiến hành áp dụng

thủ trong một số công trình quy mô lớn trong nước và đã giành được những thành công đáng kể. Cho đến nay cơ chế giám sát đã thực sự được mọi người công nhận và được áp dụng phổ biến trong nhiều công trình đô thị và công trình kiến trúc. Mấy năm gần đây, Trung Quốc cũng liên tục thành lập các mô hình công ty giám sát xây dựng, đây chính là động lực tích cực góp phần thúc đẩy chất lượng công trình xây dựng phát triển vững mạnh. Tuy nhiên cũng cần nhìn nhận rõ, xét từ góc độ chất lượng công trình xây dựng thì công tác quản lý xây dựng và giám sát chất lượng có điểm chung, có mối liên hệ nhất định, nhưng vai trò của chúng thì không thể thay thế, về mặt cơ bản chúng có sự khác biệt. Đơn vị giám sát xây dựng là doanh nghiệp giám sát với mô hình kinh doanh do ban quản lý nhà nước thẩm tra phê chuẩn, là doanh nghiệp có địa vị pháp nhân được sự ủy thác của đơn vị đầu tư xây dựng hoặc giành được nghiệp vụ kinh doanh thông qua đấu thầu, đơn vị thay mặt chủ đầu tư tiến hành hoạt động giám sát công trình xây dựng dựa trên nội dung hợp đồng hai bên đã ký kết, giữa đơn vị quản lý giám sát và đơn vị thi công, đơn vị đầu tư xây dựng và đơn vị thi công cần thiết lập rõ ràng bên ủy thác và bên được ủy thác, bên giám sát và bên bị giám sát theo hợp đồng kinh tế, đơn vị đầu tư xây dựng có thể ủy thác cũng có thể không ủy thác công tác giám sát. Trong giai đoạn hiện nay công tác giám sát xây dựng là một trong ba vấn đề lớn của thị trường xây dựng. Vì vậy nguyên tắc giám sát đặt ra là: “Công bằng, độc lập, tự chủ”, và thực chất hành vi của doanh nghiệp chính là tính chất của công tác giám sát và quản lý.

3- Chức năng và quyền hạn quản lý giám sát

Cơ cấu giám sát chất lượng công trình là cơ cấu chuyên môn thay mặt nhà nước tiến hành quản lý giám sát chất lượng công trình xây dựng, nhiệm vụ của cơ cấu minh bạch với phạm vi bao quát rộng, căn cứ vào quy định pháp

luật, quy tắc điều lệ và các quy định trong văn bản quản lý hành chính của nhà nước thì chức năng và quyền hạn của cơ cấu là giám sát các dự án xây dựng công trình nhằm đảm bảo chất lượng công trình, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia xây dựng. Không chỉ tiến hành can thiệp hành chính đối với các yếu tố ảnh hưởng chất lượng công trình, đồng thời thực hiện quyền xử lý hành chính và xử phạt hành chính mà nhà nước giao phó, tiến hành giám sát đơn vị quản lý xây dựng, yêu cầu ban quản lý xây dựng tiến hành điều tra làm rõ các hành vi vi phạm của đơn vị quản lý xây dựng. Trách nhiệm của cơ cấu giám sát là giám sát quản lý chất lượng công trình theo quy định pháp luật hành chính.

Đơn vị quản lý xây dựng là doanh nghiệp thay mặt đơn vị đầu tư xây dựng thực hiện công tác quản lý công trình xây dựng, tiến hành hoạt động quản lý dựa trên hợp đồng đã ký với đơn vị đầu tư xây dựng. Nhiệm vụ của đơn vị quản lý là hỗ trợ đơn vị đầu tư xây dựng thực hiện mục tiêu dự án. Thực hiện quản lý toàn bộ quá trình xây dựng công trình, cũng có dự án chỉ thực hiện quản lý trong một số giai đoạn cụ thể. Hiện nay, thường chỉ quản lý giai đoạn thi công công trình. Mặc dù đơn vị quản lý xây dựng và đơn vị thi công đều thuộc doanh nghiệp, nhưng doanh nghiệp quản lý xây dựng có địa vị đặc thù riêng của nó, một mặt do doanh nghiệp quản lý xây dựng đứng ra thay mặt đơn vị đầu tư xây dựng thực hiện khống chế và quản lý quá trình thi công, mặt khác, phương châm chính sách của nhà nước là xác lập thực hiện cơ chế quản lý đối với công trình xây dựng. Để thực hiện mục tiêu dự án, doanh nghiệp quản lý và doanh nghiệp thi công được giao phó các nhiệm vụ chức trách riêng. Trong quá trình xây dựng doanh nghiệp quản lý thay mặt chủ đầu tư thực hiện quản lý, giám sát và quyền kiểm tra nghiệm thu và chứng nhận, tuy nhiên tính chất của doanh nghiệp không hề thay đổi mà hoàn toàn bình đẳng với doanh nghiệp thi công.

Doanh nghiệp quản lý xây dựng chịu trách nhiệm kinh tế và pháp luật theo quy định pháp luật hành chính của nhà nước và các điều khoản hợp đồng quy định.

4- Nội dung và phương thức giám sát quản lý

Cơ cấu giám sát chất lượng công trình đảm nhận chức năng quản lý chất lượng công trình xây dựng, chủ yếu áp dụng phương thức cưỡng chế giám sát, thực hiện giám sát quản lý vĩ mô và chỉ đạo vi mô, đồng thời giám sát, giúp đỡ, đôn đốc quản lý đơn vị thi công đảm bảo chất lượng công trình, tiến hành kiểm tra chất lượng công trình, thẩm tra hồ sơ nghiệm thu hoàn thành công trình.

Doanh nghiệp quản lý xây dựng thay mặt

chủ đầu tư tiến hành khống chế và quản lý chất lượng, đầu tư và tiến độ công trình theo nội dung điều khoản cụ thể trong hợp đồng ký kết với chủ đầu tư, xét về góc độ quản lý chất lượng công trình là tiến hành quản lý vi mô, bám sát quản lý các trình tự thao tác trong thi công, đồng thời tiến hành kiểm tra nghiệm thu chất lượng trong từng hạng mục công trình, có thể từ chối thanh toán đối với các hạng mục không đạt tiêu chuẩn chất lượng, bên cạnh đó hỗ trợ chủ đầu tư chấp hành các điều khoản thưởng phạt quy định trong hợp đồng, đồng thời tiến hành quản lý chất lượng thông qua các biện pháp pháp luật.

ND: Hoàng Đại Hải

Nguồn: www.yuanlin365.com/construct

Tin Xây dựng quốc tế qua mạng Internet

Ngành công nghiệp xây dựng Trung Quốc đẩy mạnh tiết kiệm năng lượng

Theo tin từ Bộ Xây dựng Trung Quốc, hệ thống xây dựng xanh của Trung Quốc, với quy mô thị trường vào khoảng 1,5 nghìn tỷ NDT (280 triệu USD), đang ngày càng được phát triển nhờ các dự án tiết kiệm năng lượng.

Thứ trưởng Bộ Xây dựng, ông Qiu Baoxing cho biết, diện tích xây dựng áp dụng hệ thống tiết kiệm năng lượng mỗi năm đã tăng 2 tỷ m², gần bằng 50% tổng diện tích xây dựng của toàn thế giới. Là thị trường xây dựng lớn nhất nên Trung Quốc cũng là nước bảo tồn được nhiều năng lượng nhất.

Một số vùng phía Bắc của Trung Quốc đã tiến hành các dự án cải tạo và lắp đồng hồ đo nhiệt trong nhà nhằm cắt giảm chi phí năng lượng, dự kiến khoảng 150 triệu m² nhà ở được chuyển đổi sang hệ thống tiết kiệm năng lượng mới.

Chính phủ Trung Quốc năm 2007 đã chi 900 triệu NDT (khoảng 125 triệu USD) để nâng

cấp các đồng hồ đo nhiệt của các hộ gia đình, trong khi đó ở các thành phố lớn như Đại Liên và Thanh Đảo mới bắt đầu khởi động các dự án thí điểm.

Dự kiến tổng chi phí cho các dự án trên vào khoảng 200 – 300 tỷ NDT. Các công ty năng lượng sẽ gánh chịu phần lớn chi phí, ví dụ như chi phí xây dựng ban đầu. Song sau này họ sẽ thu được lợi nhuận từ việc kinh doanh các hệ thống tiết kiệm năng lượng.

Ngoài ra, sẽ có thêm các dự án năng lượng tái tạo được xây dựng, ví dụ như năng lượng mặt trời. Năm 2007, Chính phủ Trung Quốc đã dành 700 triệu NDT để hỗ trợ cho 212 dự án năng lượng tái tạo thí điểm. Đến cuối năm, 700 triệu m² nhà ở được sử dụng năng lượng mặt trời và xấp xỉ 80 triệu m² nhà ở được sử dụng năng lượng địa nhiệt.

Theo ông Qiu, 97% các dự án xây mới ở Trung Quốc đáp ứng được các tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng và 71% các dự án đang được triển khai cũng đáp ứng được tiêu chí này (trong

đó có một số được thiết kế trước khi tiêu chuẩn được ban hành). Các công trình tiết kiệm năng lượng được xây dựng từ tháng 1 – 10/2007 có thể tiết kiệm năng lượng tương đương 5 triệu tấn than tiêu chuẩn.

Trung Quốc cũng là quốc gia tiêu thụ xi măng lớn nhất trên thế giới, sử dụng trên 43% tổng sản lượng trên toàn cầu. Chính phủ Trung Quốc đã cam kết đẩy mạnh tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất xi măng bằng cách loại bỏ các lò đứng và áp dụng thêm các công nghệ tiên tiến đối với lò quay.

Ông Qiu còn cho biết thêm, triển lãm xây dựng xanh và các sản phẩm liên quan sẽ được tổ chức ở Bắc Kinh vào cuối tháng 3/2008. Các nước phát triển như Mỹ, Đức, Anh và Pháp sẽ tham gia. Triển lãm dự kiến thu hút từ 2.000 đến 2.500 đơn vị tham gia.

<http://english.people.com.cn>

Trung Quốc: Một số ý kiến xung quanh vấn đề nhà ở có giới hạn về giá

Theo tin Tân Hoa Xã ngày 20/2/2008 - Loạt nhà ở khống chế giá bán và khống chế diện tích sàn ở Trung Quốc đã được đưa ra bán trên thị trường trong quần quạ. Tập đoàn bất động sản Poly Group đã xây 843 căn hộ với giá bán 6.500 NDT/m ở Quận Baiyun, thành phố Quảng Châu, đã bán được 700 căn hộ ngay trong ngày bán đầu tiên 16/2/2008. Chỉ những hộ có giấy xác nhận của Phòng Quản lý Nhà đất Quảng Châu mới được đăng ký mua loại nhà này.

Trong quý 4/2007, giá nhà ở tại các thành phố lớn của Trung Quốc vẫn tiếp tục tăng cao và xu hướng sẽ còn tăng trong năm 2008.

Các thống kê của Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia cho thấy, trong quý 4/2007, giá nhà ở trung bình ở 70 thành phố lớn và vừa của Trung Quốc đã tăng 10,2% so với cùng kỳ năm 2006. Giá nhà vẫn ngày một tăng bất chấp mọi nỗ lực của chính phủ trong việc hạn chế đầu tư bất động sản và hỗ trợ cho các gia đình có thu

nhập thấp.

Các cố gắng đã được chính phủ Trung Quốc thực hiện trong thời gian qua như tăng cường cung ứng nhà cho thuê giá rẻ, nhà ở hợp túi tiền, nhà ở khống chế giá bán nhằm mở rộng nguồn cung và giúp bình ổn giá cả. Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trung Quốc Uông Quang Đào cho biết, nhà ở khống chế giá bán sẽ là phương tiện chủ yếu nhằm giúp đỡ các gia đình có mức thu nhập trung bình sống tại các thành phố lớn và vừa giải quyết các khó khăn về nhà ở.

Quảng Châu không phải là thành phố duy nhất của Trung Quốc nỗ lực giải quyết các vấn đề gia tăng chi phí bất động sản và cung cấp nhà ở cho người dân đô thị thông qua nhà ở có giới hạn về giá.

Ông Li Sanzhong thuộc Ban Cải cách và Phát triển Thành phố Bắc Kinh cho biết, Bắc Kinh đã khởi công xây dựng 3,12 triệu m² nhà ở khống chế giá bán trong năm 2007 và sẽ tiếp tục xây dựng thêm 4,5 triệu m² nhà ở cùng loại trong năm nay. Chỉ có các gia đình sống tại đô thị có thu nhập hàng năm dưới 88.000NDT (khoảng 12.054 USD) có thể mua nhà ở khống chế giá bán. Nhiều thành phố khác của Trung Quốc cũng đang có kế hoạch áp dụng mô hình trên.

Song liệu giải pháp nhà ở khống chế giá bán có thực sự phát huy hiệu quả như mong muốn? Hiện tại, số người phản đối nhiều hơn số người tán thành. Ông Fu Weichong, chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bất động sản Hopefluent, đồng thời là thành viên trong Hội nghị Tư vấn Chính sách của Hội đồng Nhân dân Trung Quốc (CPPCC), kịch liệt phản đối mô hình trên. Theo ông, việc thực hiện chính sách nhà ở khống chế giá bán hoặc triển khai xây dựng các căn hộ bằng trợ cấp của các tổ chức lao động là một ý tưởng tồi. Nhà ở khống chế giá nắm cần được bãi bỏ do nó sẽ dẫn đến sự không bình đẳng mới và gây ảnh hưởng tới sự cân đối của xã hội.

Nhà phân tích kinh tế Xu Dianqing cho rằng giá nhà ở biến động rất phức tạp do chịu ảnh

hưởng từ nhiều nhân tố khác nhau của các dự án bất động sản như địa điểm, môi trường và chất lượng công trình. Dự định của chính phủ là chuyển một phần lợi nhuận của các nhà phát triển bất động sản sang người mua nhà bằng cách đặt ra giá bán trần của từng loại nhà cụ thể, song dự định này không phù hợp với thực tế và cuối cùng dẫn tới chất lượng nhà ở kém đi, tác dụng của nhà ở khống chế giá bán bị hạn chế. Chính sách nhà ở khống chế giá bán chỉ giúp cho người giàu tiết kiệm tiền khi mua nhà song không thể giúp người nghèo giải quyết được các vấn đề nhà ở khi thị trường cũng có vai trò cung ứng đất đai và vật liệu xây dựng.

<http://news.xinhuanet.com>

Lớp ốp ván cách nhiệt giúp tiết kiệm năng lượng và chi phí

Một nghiên cứu mới của người Mỹ đã chứng minh lớp ốp ván cách nhiệt sử dụng công nghệ Fullback sẽ giúp người tiêu dùng giảm chi phí sưởi ấm tới 20% với tỷ lệ cách nhiệt cao nhất so với các sản phẩm sơn phủ bên ngoài trên thị trường.

Với giá trị R đạt 3,96, gấp trên 3 lần so với sản phẩm sơn phủ ngoài tiết kiệm năng lượng mới nhất trên thị trường, lớp ốp ván cách nhiệt làm giảm đáng kể sự thất thoát nhiệt, làm tăng giá trị ngôi nhà và giảm chi phí bảo trì. Các sản phẩm như xi măng sợi, gạch và đá hần như không có giá trị cách nhiệt, với giá trị R chỉ đạt 1,15 đến 0,62.

Với giá trị R trung bình 3.96, gấp trên 3 lần so với lớp sơn phủ ngoài hiệu quả năng lượng cao nhất tới đây, lớp ốp ván cách nhiệt làm giảm đáng kể thất thoát nhiệt khí mát, trong khi cải thiện giá trị nhà ở và hạn chế sự yêu cầu giúp đỡ và giảm chi phí bảo trì. Các sản phẩm như xi măng sợi, gạch và đá hần như không có giá trị cách nhiệt với giá trị R hệ thống trung bình từ 0,15 đến 0,62.

Lớp ốp ván cách nhiệt là ván ốp dùng cho nhà ở bao gồm cách nhiệt bọt cứng, được dẫn

phía sau bề mặt ngoài của tấm panen ván ốp. Không giống như cách nhiệt bọt phẳng để lại các khoảng cách dẫn đến tình trạng thất thoát nhiệt, hình dạng của lớp ván ốp cách nhiệt và mức độ bao phủ liên tiếp sẽ làm giảm đáng kể sự thất thoát nhiệt.

Các đỉnh tán trên tường chiếm 25% bề mặt tường của một ngôi nhà trung bình. Có tới 40% thất thoát nhiệt xuất hiện qua đỉnh tán của tường nơi không có vật liệu cách nhiệt. Lớp ván ốp cách nhiệt bao bọc ngôi nhà trong toàn bộ 1 lớp phủ năng lượng bằng cách cách nhiệt liên tiếp phần khung của ngôi nhà, nơi thất thoát nhiệt nhiều nhất.

Giám đốc Công ty Công nghệ Bọt Tiên tiến, ông Pat Culpepper cho biết, các chủ sở hữu ngôi nhà hiện nay quan tâm nhiều hơn tới việc giảm nhu cầu năng lượng so với trước đây, và với một sản phẩm như lớp ván ốp cách nhiệt, họ có thể tiết kiệm tới 20% tiêu dùng năng lượng hàng tháng.

Giá trị R là thước đo khả năng bằng số học được công nhận của sản phẩm cách nhiệt để hạn chế luồng nhiệt, tuy nhiên, để giảm chi phí năng lượng, giá trị R có thể được biểu diễn từng đơn vị độ dày (ví dụ như 1 inch) hoặc cho tổng độ dày của một sản phẩm cách nhiệt cụ thể. Giá trị R càng cao thì khả năng cách nhiệt của sản phẩm càng tốt. Mức trung bình giá trị R của hệ thống tường là mức trung bình công nghiệp dựa trên giá trị R chung của các sản phẩm ván ốp cách nhiệt được đưa ra bởi các nhà sản xuất khác nhau.

<http://www.azobuild.com/>

Các mô hình đề xuất đối với sự thoái hoá liên kết do ăn mòn trong bê tông cốt thép

Tạp chí Kết cấu Xây dựng (Mỹ), tháng 2/2008

Tác giả: Kapilesh Bhargava(1), A. K. Ghosh(2), Yasuhiro Mori(3) và S. Ramanujam(4)

(1) Bộ môn Kiến trúc và Xây dựng dân dụng, Trung tâm

Nghiên cứu Nguyên tử Bhabha, Trombay, Mumbai 400 085, Ấn Độ. E-mail: kapilesh_66@yahoo.co.uk; kapil_66@barc.gov.in

(2) Bộ môn An toàn của Lò phản ứng, Trung tâm Nghiên cứu Nguyên tử Bhabha, Trombay, Mumbai 400 085, Ấn Độ. E-mail: ccss@barc.gov.in

(3) Giáo sư, Khoa Kiến trúc và Môi trường, ĐH Nagoya, Nhật Bản E-mail: yasui@sharaku.nuac.nagoya-u.ac.jp

(4) Phó giám đốc, Công ty Dịch vụ Công trình, Trung tâm Nghiên cứu Nguyên tử Bhabha, Trombay, Mumbai 400 085, Ấn Độ. E-mail: ramjam@barc.gov.in

Tóm tắt nghiên cứu: Trong tài liệu này, các mô hình đơn giản được đề xuất để đánh giá sự giảm sút trong cường độ liên kết như một chức năng của ăn mòn cốt thép trong bê tông cốt thép 9RC). Các mô hình trên được đề xuất bằng cách xét đến một phạm vi lớn các nghiên cứu thử nghiệm đã được công bố liên quan tới sự thoái hoá cường độ liên kết do ăn mòn cốt thép. Sau đó, các mô hình được thông qua dựa trên các nghiên cứu thử nghiệm được tham khảo. Người ta thấy rằng, các mô hình đề xuất cung cấp những dự báo sự suy giảm trong cường độ liên kết đối với cốt thép bị ăn mòn, các dự báo này phù hợp với các giá trị quan sát được trong thử nghiệm. Các dự đoán của các mô hình đề xuất cũng cho thấy phù hợp với các dự báo của dữ liệu đã được công bố về các dự đoán dựa trên kinh nghiệm. Một nỗ lực cũng đã được thực hiện để đánh giá cường độ uốn của các dầm RC với cốt thép bị hư hỏng liên kết do ăn mòn. Người ta đã phát hiện ra những dự đoán bằng cách phân tích đối với độ bền uốn của các dầm RC bị ăn mòn dựa trên các mô hình thoái hoá liên kết đề xuất phù hợp với các kết quả quan sát được trong thí nghiệm và các giá trị dự đoán dựa trên kinh nghiệm của nghiên cứu thử nghiệm được nhắc đến. Nghiên cứu này về vấn đề thất thoát tăng dần của cường độ liên kết do ăn mòn cốt thép có thể rất có ích đối với dự đoán tuổi thọ phục vụ của các kết cấu trong môi trường khắc nghiệt.

<http://ascelibrary.aip.org>

Nghiên cứu các cột bê tông tiết diện hình elip bọc CFRP chịu tải lệch tâm

Tạp chí Hỗ trợ trong Xây dựng (Mỹ), tháng 1-2/2008

Tác giả: Azadeh Parvin(1) và Jason M. Schroeder(2)

(1) Phó giáo sư, Khoa Xây dựng Dân dụng, Đại học Toledo

(2) Khoa Xây dựng Dân dụng, Đại học Toledo

Tóm tắt nghiên cứu: Tài liệu này giới thiệu nghiên cứu phân tích phần tử hữu hạn của các cột bê tông tiết diện hình elip, đổi từ các tiết diện vuông góc và được bọc bằng polyme cốt sợi các bon (CFRP) thông qua quy trình gia cường, dưới tải trọng lệch tâm. Các tham số được cân nhắc trong nghiên cứu phân tích phần tử hữu hạn bao gồm các tải trọng lệch trục khác nhau, và số lượng các lớp CFRP cũng như định hướng của chúng đối với trục tròn của các cột bê tông. Việc thông qua mô hình phần tử hữu hạn đã được thực hiện thúc đẩy một nghiên cứu thử nghiệm được báo cáo trong tài liệu. Các phát hiện của nghiên cứu đưa ra giả thuyết là tải trọng lệch tâm chống lại tải trọng dọc trục làm giảm đáng kể hiệu quả của lớp vỏ bọc CFRP. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng cho thấy có thể giảm bớt hiệu quả bất lợi của tải trọng lệch tâm thông qua việc điều chỉnh hợp lý hình dạng của vỏ bọc, ví dụ như số lượng các lớp cũng như hướng của các sợi.

<http://ascelibrary.aip.org>

Ứng xử địa chấn của các cột RC với các vùng liên kết tới hạn: Tiêu chuẩn gia cường liên kết sử dụng các lớp FRP bọc ngoài

Tạp chí Hỗ trợ trong Xây dựng (Mỹ), tháng 1-2/2008

Tác giả: M. H. Harajli

Giáo sư, Khoa Xây dựng Dân dụng và Môi trường, Đại học Beirut Mỹ (AUB), Beirut-Lebanon. E-mail: mharajli@aub.edu.lb

Tóm tắt nghiên cứu: Năm 2003, một chương trình nghiên cứu thí điểm đã được khởi xướng tại trường Đại học Beirut Mỹ với 2 mục tiêu:

(1) Đánh giá hiệu quả của việc bọc polyme cốt sợi (FRP) bên ngoài nhằm cải thiện cường độ liên kết của cốt thép lắp ghép trong các cột bê tông cốt thép (RC) và tác động của nó đối với khả năng chịu tải theo phương ngang và độ dẻo của các cột dưới tải trọng động đất.

(2) xây dựng tiêu chuẩn thiết kế phù hợp cho việc gia cường liên kết của các cột thép lắp ghép sử dụng các lớp vỏ FRP bọc ngoài. Tài liệu này giới thiệu các kết quả thử nghiệm mới đây áp dụng với các cột vuông và các kết quả của nghiên cứu thử nghiệm được thực hiện với các cột tròn, nhấn mạnh tới các khía cạnh liên quan tới cường độ liên kết của các cốt thép lắp ghép. Một mô hình phân tích phi tuyến tính được phát triển để dự báo phản ứng tải trọng - độ lệch, tính toán ảnh hưởng của việc bọc FRP đối với ứng xử ứng suất – biến dạng của bê tông dưới tác động của lực nén. Các kết quả được dự đoán bằng mô hình này cho thấy sự nhất quán với các kết quả thử nghiệm song các biểu thức thiết kế độ bền liên kết của các thanh lắp ghép trong bê tông bọc FRP lại có kết quả trái ngược với dữ liệu thử nghiệm. Từ đó, tài liệu đã đề xuất một tiêu chuẩn gia cường các vùng liên kết tới hạn bằng FRP chống động đất trong các cấu kiện RC.

<http://ascelibrary.aip.org>

Xem lại các hướng dẫn thiết kế khi bọc các cột bê tông cốt thép có tiết diện không tròn bằng FRP

Tài liệu: Tạp chí Hỗn hợp trong Xây dựng, tháng 1-2/2008

Tác giả: Silvia Rocca(1), Nestore Galati(2)

và Antonio Nanni(3)

(1) Nghiên cứu viên, Trung tâm Nghiên cứu Kỹ thuật Hạ tầng, Khoa Xây dựng Dân dụng, Kiến trúc và Môi trường, Đại học Missouri-Rolla

(2) Kỹ sư, Trung tâm Nghiên cứu Kỹ thuật Hạ tầng, Đại học Missouri-Rolla

(3) Giáo sư, Khoa Xây dựng Dân dụng, Kiến trúc và Môi trường, Đại học Miami.

Các hướng dẫn thiết kế mang tính quốc tế hiện nay đưa ra các phương trình thiết kế dự báo nhằm gia cường các cột bê tông cốt thép (RC) của cả 2 loại tiết diện tròn và lăng trụ bằng các phương pháp bọc polyme cốt sợi (FRP) và dưới tải trọng dọc trục thuần túy. Các nghiên cứu mở rộng (bao gồm thử nghiệm và phân tích) đã được tiến hành trên các cột có các tiết diện không tròn, và các nghiên cứu có giới hạn đã được thực hiện với các cấu kiện có tiết diện không tròn. Thực tế, đa số công tác nghiên cứu được triển khai trên quy mô nhỏ và với các mẫu bê tông không cốt thép. Tài liệu này giới thiệu 4 hướng dẫn thiết kế một nghiên cứu có tính chất so sánh. Nghiên cứu này dựa trên sự tăng dần cường độ nén và độ dẻo của bê tông và dựa trên các kết quả thử nghiệm từ 6 cột RC có các dạng tiết diện khác nhau. Các kết quả quan sát được phản ánh sự thiếu hụt các tác động chưa được tính đến trong các mô hình hiện nay. Mục tiêu của nghiên cứu này là xem lại các phương pháp luận thiết kế tiên tiến cho phù hợp với từng trường hợp cột RC bê tông bọc ngoài bằng FRP và chỉ ra hướng phát triển trong tương lai.

<http://ascelibrary.aip.org>

ND: Nguyễn Hồng Trang

NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 1 ĐOẠN THẠCH QUẢNG - NGỌC HỒI

Ngày 21 tháng 3 năm 2008



Đ/c Nguyễn Hồng Quân - Ủy viên TƯ Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng - Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng chủ trì cuộc họp.



Đ/c Trần Chung - Cục trưởng Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng - Bộ Xây dựng phát biểu tại cuộc họp